

**HỌC VIỆN PHANXICÔ
PHÂN KHOA THẦN HỌC**

**Sinh viên thực hiện:
GIU-SE NGUYỄN VĂN NHO, OFM.**

VAI TRÒ NGÔN SỬ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG Ga 9

Luận văn Tốt Nghiệp Thần Học

**Giáo sư hướng dẫn:
GIO-AN BAO-TI-XI-TA NGUYỄN HỮU DUY, SVD.**

TP. Hồ Chí Minh, 5-2024

LỜI TRI ÂN

Trước hết, con xin dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì muôn hồng ân Chúa đã tuôn đổ trên cuộc đời thánh hiến của con; đặc biệt, Người đã gọi con từ hư vô vào trong hiện hữu, để con sống và dần thân theo cách thức mà Chúa mong muốn nơi con.

Kể đến, em xin chân thành cảm ơn quý anh trong Tỉnh Dòng Thánh Phan-xi-cô Việt Nam, cách riêng anh Giám Tỉnh, anh Phó Giám Tỉnh, anh Thư ký Huấn luyện và Học vấn, anh Giám học Khoa Thần, các anh Giám sư trong các giai đoạn huấn luyện khởi đầu, quý bề trên và các anh linh hướng, đã đón nhận, yêu thương, hướng dẫn và đồng hành hầu giúp em xác tín hơn ơn gọi của mình, cũng như nhận ra Thiên Chúa là Mục Đích Tối Hậu của cuộc đời.

Bên cạnh đó, em xin cảm ơn các anh trong Ban Giám Đốc, quý giáo sư, quý anh em tu sĩ sinh viên đã đồng hành và giúp em trên con đường đi tìm Chân Lý ngang qua việc nghiên cứu Triết học và Thần học.

Đặc biệt, con xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến cha Gio-an Bao-ti-xi-ta Nguyễn Hữu Duy, SVD. Cha đã nhận lời đề hướng dẫn hầu giúp con hoàn thành bài Luận văn Thần học cách tốt nhất. Con cảm ơn cha, vì sự tận tâm và chu đáo đã giúp con có thêm động lực để nghiên cứu và yêu mến Kinh Thánh.

Hơn nữa, con xin cảm ơn cha Giu-se Ngô Ngọc Khanh, OFM. Cha đã nhận lời phản biện Luận văn Thần học; đồng thời, trong vai trò Giám học và Giám đốc, cha đã không ngừng khích lệ và hướng dẫn tận tình hầu giúp con hoàn thành tốt Luận văn Thần học.

Cuối cùng, con xin gửi lời cảm ơn đến gia đình và người thân, quý bạn hữu đã luôn động viên và giúp đỡ con về vật chất cũng như tinh thần hầu giúp con an tâm để tu học.

Nguyện xin Thiên Chúa Ba Ngôi Trọn Hảo luôn đồng hành và tuôn đổ bình an và thiện hảo trên quý cha, quý thầy, quý anh em, quý thân nhân, ân nhân và bạn hữu.

Giu-se Nguyễn Văn Nho, OFM

MỤC LỤC

LỜI TRI ÂN	2
NHẬN XÉT CỦA GIÁO SƯ HƯỚNG DẪN	3
NHẬN XÉT CỦA GIÁO SƯ PHẢN BIỆN	4
BẢN KÝ HIỆU VÀ VIẾT TẮT	8
MÔ TẢ ĐỀ TÀI	10
1. Lý do chọn đề tài	10
2. Nội dung chính	10
3. Phạm vi nghiên cứu	10
4. Mục đích nghiên cứu	11
5. Phương pháp nghiên cứu	11
CHƯƠNG I: ĐẶC TÍNH NGÔN SỨ THÁNH KINH	12
I. DANH XUNG NGÔN SỨ	12
1. Hạn từ “ngôn sứ”	12
1.1. năbí	12
1.2. Hözè	13
1.3. rǒ`è	13
1.4. Prophētēs (προφήτης)	13
2. Những danh xưng khác dành cho ngôn sứ	15
2.1. Những danh xưng dành cho ngôn sứ trong sự tương quan với Thiên Chúa	15
2.2. Những danh xưng dành cho ngôn sứ trong tương quan với cộng đồng	16
II. VAI TRÒ CỦA CÁC NGÔN SỨ TRONG THỜI CỰU ƯỚC	17
1. Đối với Thiên Chúa	18
1.1. Trung gian giữa Thiên Chúa và dân chúng	18
1.2. Nói lời của Thiên Chúa	18
1.3. Giải thích kế hoạch và ý định của Thiên Chúa cho dân chúng	19
2. Đối với cộng đồng dân chúng	20
2.1. Cầu nguyện và chuyên cầu cho dân	20
2.2. Chữa lành bệnh tật cho dân	21
2.3. Dẫn thân cho công bằng xã hội	22

2.4. Ưu tiên bệnh vực người nghèo	23
CHƯƠNG II:VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG Ga 9.....	25
I. PHÂN TÍCH BẢN VĂN Ga 9	25
1. Giới hạn bản văn	25
1.1. Không gian.....	25
1.2. Nhân vật.....	25
2. Cấu trúc bản văn.....	26
2.1. Đức Giê-su hiện diện (1-7).....	27
2.2. Đức Giê-su vắng mặt (8-34)	27
2.3. Đức Giê-su xuất hiện trở lại (35-41)	27
3. Cốt truyện.....	28
3.1. Giải quyết vấn đề.....	28
3.2. Cốt truyện tiết lộ căn tính của Đức Giê-su trong Ga 9	29
4. Nhân vật	30
4.1. Người Pha-ri-sêu và người Do Thái	30
4.2. Anh mù	34
5. Bối cảnh.....	38
5.1. Ga 9 và các trình thuật trước đó	39
5.2. Ga 9 và các trình thuật sau đó.....	41
II. VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG Ga 9	42
1. Đức Giê-su chữa lành người mù (6-7)	42
2. Đức Giê-su bệnh vực người yếu thế (35-38).....	44
3. Đức Giê-su là ánh sáng thế gian (5).....	47
4. Đức Giê-su xét xử thế gian (39-41).....	48
CHƯƠNG III:Ý NGHĨA THẦN HỌC VỀ VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA ĐỨC GIÊ-SU	50
I. VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG TƯƠNG QUAN VỚI CÁC NGÔN SỨ KHÁC	50
1. Đức Giê-su so với các ngôn sứ trong Cựu Ước	50
1.1. Sứ điệp	50
1.2. Tư cách ngôn sứ.....	52
2. Đức Giê-su, vị ngôn sứ vĩ đại.....	53
2.1. Đức Giê-su toàn năng trong lời nói và việc làm.....	54

2.2. Đức Giê-su hiểu về sứ mạng của mình.....	55
II. VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA NGƯỜI THÁNH HIẾN TRONG THỜI ĐẠI HÔM NAY	56
1. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc tuân giữ ba lời khuyên Phúc âm	56
1.1. Vâng phục.....	56
1.2. Nghèo khó.....	58
1.3. Khiết tịnh	58
2. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc cử hành Bí tích Chữa lành	59
2.1. Bí tích Hòa Giải	59
2.2. Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân	60
3. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc bênh vực người yếu thế	61
4. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc đem ánh sáng Tin Mừng đến cho muôn dân	62
5. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc bảo vệ công lý, hòa bình và toàn vẹn tạo thành	63
KẾT LUẬN TỔNG QUÁT	65
THƯ MỤC THAM KHẢO	68
1. Tài liệu nguồn	68
2. Tài liệu nghiên cứu.....	68
3. Tạp chí.....	71
4. Internet	72

BẢN KÝ HIỆU VÀ VIẾT TẮT

1. CÁC SÁCH KINH THÁNH (Theo Nhóm CGKPV)

St	Sáng thế
Xh	Xuất hành
Lv	Lê-vi
Ds	Dân số
Đnl	Đệ nhị luật
Gs	Giô-suê
Tl	Thủ lĩnh
1 Sm	1 Sa-mu-en
1 V	1 Vua
2 V	2 Vua
Tb	Tô-bi-a
G	Gióp
Tv	Thánh Vịnh
Cn	Châm Ngôn
Hc	Huấn Ca
Is	I-sai-a
Gr	Giê-rê-mi-a
Ed	Ê-dê-ki-en
Đn	Đa-ni-en
Hs	Hô-sê
Am	A-mốt

Mk	Mi-kha
Kb	Kha-ba-cúc
Xp	Xô-phô-ni-a
Kg	Khác-gai
Ml	Ma-la-khi
Mt	Mát-thêu
Mc	Mác-cô
Lc	Lu-ca
Ga	Gio-an
Cv	Công vụ Tông đồ
Rm	Rô-ma
Gl	Ga-lát
Hr	Híp-ri

2. CÁC TÀI LIỆU KHÁC

GLHTCG

Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo

3. CÁC KÝ HIỆU KHÁC

c.	Câu
s.	Số
ss.	Các số
tr.	Trang
p.	Page
x.	Xem

MÔ TẢ ĐỀ TÀI

1. Lý do chọn đề tài

Người viết chọn đề tài này vì ba lý do chính. Thứ nhất, về giá trị học thuật, người viết muốn có cơ hội thực tập phân tích bản văn Tin Mừng, để hiểu được sứ điệp của bản văn, đồng thời gia tăng lòng yêu mến đối với Kinh Thánh, và để hiểu biết Đức Ki-tô hơn. Thứ hai, dựa trên bản văn Ga 9, người viết mong muốn tìm hiểu vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su được thể hiện như thế nào, giống và khác như thế nào so với các ngôn sứ thời Cựu Ước, và đâu là nét độc đáo về vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su. Thứ ba, nhờ hiểu về vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su, người viết sẽ chứng minh tầm quan trọng về vai trò ngôn sứ của đời sống thánh hiến ngang qua các lời khuyên Phúc âm, và chứng tá sống động của người thánh hiến trong thời đại hôm nay.

2. Nội dung chính

Bài nghiên cứu được trình bày trong ba chương. Đầu tiên, chương I sẽ trình bày về *Đặc tính của ngôn sứ Thánh Kinh*. Trong đó, người viết sẽ đi tìm những hạn từ nói về ngôn sứ, những danh xưng dành cho ngôn sứ, và đặc biệt là trình bày vai trò của các ngôn sứ thời Cựu Ước. Kế đến là chương II, người viết sẽ phân tích bản văn Ga 9 để trình bày vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su. Cuối cùng là chương III, với tiêu đề *Ý nghĩa thần học của vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su*, người viết sẽ trình bày vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su trong tương quan với các ngôn sứ khác để khẳng định vị thế đặc biệt của Đức Giê-su trỗi vượt hơn tất cả các ngôn sứ. Đồng thời, người viết sẽ trình bày vai trò ngôn sứ của đời sống thánh hiến trong thời đại hôm nay được thể hiện như thế nào.

3. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài sẽ được nghiên cứu trong phạm vi Kinh Thánh, cụ thể là bản văn Ga 9. Bên cạnh đó, đề tài sẽ được đào sâu trong mối tương quan với các môn học khác như Ki-tô học, Cánh chung học, và Luân lý Ki-tô giáo. Ngoài ra, vì giới hạn

ngôn ngữ của bản thân, tài liệu được sử dụng nghiên cứu chủ yếu bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh.

4. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài này là tìm hiểu đâu là vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su trong Ga 9, và tìm ra đâu là điểm khác và giống nhau của Đức Giê-su so với các ngôn sứ trong thời Cựu Ước. Cuối cùng, người viết khẳng định vai trò ngôn sứ của người tu sĩ trong thời đại hôm nay là rất cần thiết.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sẽ được nghiên cứu dựa theo phương pháp phân tích và tổng hợp. Trước hết, đề tài sẽ được nghiên cứu khởi đi từ việc phân tích bản văn Tin Mừng Ga 9. Kế đến, người viết tổng hợp các ý tưởng từ các dữ liệu Kinh Thánh, các suy tư thần học liên quan đến đề tài, cách riêng là Thần học Thánh Kinh. Sau cùng, để có thể hiểu rõ sâu hơn về đề tài, người viết sẽ nghiên cứu đề tài trong mối tương quan với các bộ môn thần học khác như Ki-tô học, Cánh chung học, và Luân lý Ki-tô giáo.

CHƯƠNG I: ĐẶC TÍNH NGÔN SỨ THÁNH KINH

I. DANH XUNG NGÔN SỨ

Việc tìm hiểu danh xưng ngôn sứ giúp chúng ta hiểu rõ hơn sứ mạng của ngôn sứ trong tương quan với Thiên Chúa và tha nhân. Trong chương này, chúng ta tìm hiểu một số hạn từ và những danh xưng dành cho ngôn sứ.

1. Hạn từ “ngôn sứ”

1.1. *nābî* (nabi)

Trong ngôn ngữ Híp-ri, danh từ thường dùng để nói về vị ngôn sứ là *nābî* (נָבִי : a spokesman, speaker, prophet)¹. Tuy nhiên, cho đến nay các học giả Kinh Thánh vẫn chưa thống nhất về nguồn gốc của danh từ này, nên có nhiều quan điểm khác nhau. Đầu tiên, một số học giả cho rằng, danh từ *nābî* bắt nguồn từ *nābā*, nghĩa là “tuôn ra”, “đổ ra”. Do đó, hiểu theo nghĩa này thì ngôn sứ là người ở trong tình trạng xuất thần nhập hóa, cảm thông được với Thiên Chúa².

Kế đến, một số học giả khác lại cho rằng *nābî* có liên hệ với một từ gốc là *nḅ*, có nghĩa là “sôi sục bên trong, tràn ra”. Trái lại, có ý kiến cho rằng, từ *nābî* xuất phát từ gốc chữ *nḅ* đã bị lãng quên, nhưng được tìm thấy trong những ngôn ngữ Xê-mít láng giềng, nó có nghĩa là “người phát ngôn”; hay đúng hơn, *nābî* là người được thần thánh biến đổi thành phát ngôn viên³.

Một ý kiến thứ ba của Albright và được ủng hộ bởi phần lớn những học giả hiện đại cho rằng, *nābî* có nguồn gốc từ tiếng Akkadia là *nabū*, có nghĩa là “gọi,

¹ x. Hạn từ “*nābî*”, trong <https://biblehub.com/hebrew/5030.htm>, (21/10/2023).

² x. VŨ PHAN LONG, *Các Sách Ngôn Sứ*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 11.

³ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 66-67.

loan báo”. Các nhà chuyên môn phân biệt, nếu dùng ở thể thụ động, thì $nābî^p$ có nghĩa là “người được kêu gọi”, nếu dùng ở thể chủ động thì có nghĩa là “người loan báo”. Như thế, ngôn sứ là một nhà lãnh đạo thiêng liêng có đoàn sủng, trực tiếp được Thiên Chúa tuyển chọn để khuyến cáo dân chúng trước những nguy nan do tội lỗi gây ra và chủ trương để hoán cải, canh tân tôn giáo và luân lý sao cho phù hợp với thánh ý Thiên Chúa⁴.

1.2. $hōze^h$ (hôzê)

Trong ngôn ngữ Híp-ri, $hōze^h$ (הוֹזֵה: a seer)⁵ còn được dùng để chỉ ngôn sứ, $hōze^h$ đến từ động từ $hāzā^h$ (הִזָּה). Trong Thánh Kinh Do Thái, động từ $hāzā^h$ và những chữ xuất phát từ động từ $hāzā^h$ được dùng đến 126 lần, trong đó 32 lần dùng để chỉ “thấy” theo nghĩa thể lý, còn lại được hiểu theo nghĩa thấy “tâm linh”⁶. Các học giả nhận thấy, có khi từ ngữ này được dùng song song với từ $nābî^p$ (x. *Am 7,12; Mk 3,6-7*).

1.3. $rō^pe^h$ (rôê)

Trong ngôn ngữ Híp-ri, hạn từ $rō^pe^h$ (רוֹפֵה: a seer)⁷ xuất phát từ động từ $rā^pā^h$, có nghĩa là “trông thấy”, “thị kiến”. Nhiều học giả thảo luận để tìm xem từ $rō^pe^h$ này có tương đồng với từ $hōze^h$ không? Trong khi các học giả dịch từ $rō^pe^h$ là “thấy”, còn $hōze^h$ được dịch là “linh thị”. Tuy nhiên, cần lưu ý là hai từ này thường được đặt song song trong Kinh Thánh, và khó để phân biệt nghĩa giữa chúng⁸.

1.4. $προφήτης$ (Prophêêtês)

⁴ x. VŨ PHAN LONG, *Các Sách Ngôn Sứ*, tr. 12.

⁵ x. Hạn từ “hozeh”, trong <https://biblehub.com/hebrew/2374.htm>, (21/10/2023).

⁶ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 67-68.

⁷ x. Hạn từ “ro'eh”, trong <https://biblehub.com/hebrew/7203.htm>, (21/10/2023).

⁸ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 68.

Từ *ngôn sứ*, nguyên ngữ Hy-lạp là *prophētês* (προφήτης), được chuyển ra tiếng Pháp là *prophète* tiếng Ý là *profeta*, tiếng Anh là prophet. Người ta khám phá ra trong văn chương ngoài Kinh Thánh, *prophētês* đã được sử dụng như danh từ chỉ một tác nhân, nhằm diễn tả người có nhiệm vụ thông truyền, loan báo cách công khai, và động từ là *prophêmi*, nghĩa là “nói trước công chúng, loan báo công khai”. Danh từ *prophēteia* được dùng để chỉ phận vụ mang tính cách ngôn sứ⁹. Điều cần lưu ý ở đây là từ lúc đầu, tiền tố *pro-* không được hiểu theo nghĩa thời gian “trước”, nhưng là nghĩa không gian “trước mặt”. Trong nghĩa gốc, *phêmi* có nghĩa là “nói, loan báo, thông báo”; và như thế, *prophêmi* có nghĩa, là “loan báo ở công cộng, nói ở trước mặt ai, thông báo công khai”. Ngôn sứ trước hết là người nói thay Thiên Chúa¹⁰.

Hạn từ *prophētês*, trong thời cổ, xuất hiện trong lãnh vực tôn giáo để nói về người phát ngôn, người loan tin của thần trong đền thờ. Tuy nhiên, người ta cũng có thể trở thành ngôn sứ cho một người khi người này không có khả năng hành động một mình. Ngay trong Kinh Thánh, chúng ta bắt gặp một trường hợp tương tự, đó là trường hợp của A-ha-ron trở thành phát ngôn viên cho Mô-sê (x. *Xh 7,1*). Cuối thời văn minh Hy Lạp, *prophētês* ngoài nghĩa “phát ngôn viên”, còn có nghĩa là “thông dịch viên”. Người thông dịch ở đây không thông dịch cho các thần, nhưng quảng diễn những sự thật trừu tượng, những bài thơ cổ, những tư tưởng triết lý xưa, hoặc các nguyên lý tự nhiên. Do đó, họ có thể trở thành những người quan trọng như nhà lập pháp, luật sư, thi sĩ, hay là những giáo chức. Và để hoàn thành nhiệm vụ phát ngôn viên và thông dịch viên, các vị này cần có sự linh hứng chiếu giải vào tâm trí mình nhưng không làm sai lệch sự phán đoán¹¹. Chính vì vậy, ngôn sứ được xem là người được linh hứng, được linh thị, và là người công bố cách trang trọng và công khai, đồng thời giảng giải những lời sấm được cho là của các vị thần; và giải thích cho công chúng những sự huyền bí của thiên nhiên, những triết lý, những bài thơ, những chân

⁹ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 71.

¹⁰ x. *Dictionary of New Testament Background*, word: “*prophēteia*”, Editor Craig A. Vans, Stanley E. Porter, Intersity, USA, p. 831.

¹¹ x. BRUCE VAWTER, *Introduction to Prophetic Literature*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, edited by Raymond E. Brown, Joseph A. Fitzmyer, Roland E. Murphy, Prentice Hall, U.S.A., 1988, p. 187.

lý, những tư tưởng triết lý, hoặc thế giới ẩn giấu. Ngôn sứ là người nói nhân danh một vị thần thánh về hiện tại, nhiều khi về quá khứ, và cũng có lúc về tương lai¹².

2. Những danh xưng khác dành cho ngôn sứ

Trong phạm vi Kinh Thánh, Ngôn sứ là những người được Thiên Chúa tuyển chọn và sai đi để truyền thông những sứ điệp cho con người nhân danh Thiên Chúa. Sau đây, chúng ta sẽ đề cập đến những danh xưng nói lên sự tương quan giữa ngôn sứ với Thiên Chúa, và với dân chúng.

2.1. Những danh xưng dành cho ngôn sứ trong sự tương quan với Thiên Chúa

2.1.1. Người của Thiên Chúa

Ngôn sứ được gọi là người của Thiên Chúa, như trong trường hợp của ngôn sứ Ê-li-sa được gọi là người của Thiên Chúa đến 29 lần (x. *2V 4,7-13,9*), ngôn sứ Ê-li-a đến 7 lần (x. *1V 17,18.24; 2V 1,9-13*), Mô-sê đến 7 lần (x. *Tl 33,1; Gs 14,4*), Sa-mu-en đến 4 lần (x. *ISm 9,6-10*). Danh xưng người của Thiên Chúa nhằm diễn tả sự gắn gũi giữa các ngôn sứ với Thiên Chúa, vì cách họ được nhận biết những bí mật của Thiên Chúa, và có khả năng tiên báo những điều xảy ra trong tương lai (x. *Tl 13,6.8; ISm 9,6*). Đây được xem là danh xưng dành riêng cho các ngôn sứ¹³.

2.1.2. Thiên sứ, sứ giả

Sau thời lưu đày, ngôn sứ còn được gọi là *mal'ak* (מַלְאָךְ), xuất phát bởi động từ *la'ak* có nghĩa là “sai đi”. Hạn từ *mal'ak* có nghĩa là người được sai, hay sứ giả. Trong thời cổ, phương cách duy nhất để truyền thông tin tức là gửi sứ giả, như Giacóp trước khi gặp E-xau đã sai sứ giả đi trước để báo tin (x. *St 32,4-6*). Tương tự, các vua thường sai các sứ giả báo tin trước khi ông khởi hành (x. *2V 18,19-20*). Chúng ta cần lưu ý rằng, điều giống nhau giữa sứ giả của vua và ngôn sứ của Thiên Chúa là đều nói nhân danh người sai phái mình. Tuy nhiên, điều khác biệt giữa họ là sứ giả của vua mang từng lời một của vua trong sứ điệp muốn loan truyền. Trái lại, ngôn sứ

¹² x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 71-73.

¹³ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 76-78.

trong Thánh Kinh, người bị Thiên Chúa chiếm đoạt bởi thần khí và lời, có thể cảm nghiệm hoặc thấy như Thiên Chúa cảm nghiệm và thấy. Các ngôn sứ diễn đạt sứ điệp từ việc lãnh hội bằng lời hay bằng cảm nghiệm của chính mình. Nói khác đi, lời của Chúa được thông truyền qua lời của con người. Vì thế, các ngôn sứ còn mang danh xưng là thiên sứ, hay sứ giả¹⁴. Ngôn sứ Khác-gai được gọi là “sứ giả của Đức Chúa” (x. *Kg 1,13*). Danh xưng “sứ giả” này đã trở nên tên riêng của ngôn sứ Ma-la-khi (x. *Ml 1,1*).

2.1.3. Tôi tớ Đức Chúa

Các ngôn sứ còn được gọi là “tôi tớ Đức Chúa” như Mô-sê (x. *Xh 14,31; Ds 12,7,8*), Giô-suê (x. *Gs 8,31.33; 9,24; 11,12.15; 14,20; Tl 11,8*). Tuy nhiên, các ngôn sứ có danh xưng là tôi tớ Đức Chúa là do chức năng ngôn sứ của họ (x. *IV 17,1; 18,15; 2V 3,14; 5,16; Gr 15,1*). Tương tự như những tôi tớ, các ngôn sứ đứng trước Thiên Chúa để được Thiên Chúa mặc khải và bày tỏ ý định của Người (x. *IV 22,19; Gr 23,18; G 15,8; Am 3,7*). Các ngôn sứ luôn sẵn sàng nhận lãnh lệnh truyền (x. *Is 6,8-9*) và những ý định của Thiên Chúa để truyền thông cho con người (x. *Ds 12,6-7; Am 3,7*) và mặc khải cho con người những mầu nhiệm của Thiên Chúa (x. *Đn 2,19.28.29*)¹⁵. Thiên Chúa hứa trợ giúp ngôn sứ (x. *Gr 1,8.19; 15,21*), củng cố (x. *Gr 1,17; 15,20*), thanh luyện (x. *Is 6,7*), ban sinh lực (x. *Đn 10,18-19*) bằng cách tuôn đổ thần khí của Người xuống trên các ngôn sứ (x. *Ed 2,2; 3,24*). Thần khí sẽ làm cho các ngôn sứ nên khôn ngoan và can đảm¹⁶.

2.2. Những danh xưng dành cho ngôn sứ trong tương quan với cộng đồng

2.2.1. Người chặn dất và trông nom

Hạn từ *Shômer* có nghĩa là “người chặn đoàn vật” (x. *ISm 17,20*), hay là người coi sóc cánh đồng của Ít-ra-en (x. *Gr 4,17*), như A-đam được trao quyền trông nom vườn địa đàng (x. *St 2,15*). Trong Giê-rê-mi-a hạn từ đó chỉ định những người gác ở vọng canh hay những người quan sát quân sự (x. *Gr 51,12*). Tuy nhiên, nghĩa

¹⁴ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 78-79.

¹⁵ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 79-80.

¹⁶ x. VŨ PHAN LONG, *Các Sách Ngôn Sứ*, tr. 21.

bóng được áp dụng cho ngôn sứ chỉ tìm thấy trong I-sai-a (x. *Is 21,11-12; 62,6*). I-sai-a nói rõ về ý nghĩa của ngôn sứ là người canh giữ, bảo vệ dân chúng ngày cũng như đêm¹⁷: “Giê-ru-sa-lem hỡi, trên tường thành ngươi, Ta đã đặt lính gác, suốt ngày đêm, chúng sẽ chẳng bao giờ nín lặng” (*Is 62,6*).

2.2.2. Người canh gác

Ngôn sứ còn được gọi là người canh gác (x. *2V 9,17*). Trong sách ngôn sứ I-sai-a, những người canh thức vui mừng la lớn “vì chính mắt họ thấy Đức Chúa đang trở lại Xi-on” (x. *Is 52,8*). Ngôn sứ phải nói cho dân Chúa biết tất cả những nguy hiểm (x. *Gr 6,17*) và cảnh báo họ; nếu không, ngôn sứ sẽ chịu trách nhiệm về mọi điều đáng tiếc xảy ra¹⁸ (x. *Ed 33,1-9*).

2.2.3. Cha và mẹ

Danh xưng 'ab (cha) hay 'em (mẹ) rất thông thường dành riêng cho các tổ phụ; tuy nhiên, thành ngữ *avi* (cha tôi) còn được dùng để chỉ các ngôn sứ. Trước hết, đối với các ngôn sứ, danh xưng này diễn tả tương quan của ngôn sứ với những người con của mình (x. *1Sm 10,10*). Tiếp đến, ngôn sứ được gọi là “cha” không chỉ giới hạn vào những đệ tử của mình, nhưng còn dành cho ai tỏ lòng tôn kính họ, như Ê-li-sa gọi Ê-li-a là cha (x. *2V 2,12*); Vua Ít-ra-en, Giô-ram, gọi Ê-li-sa là cha (x. *2V 6,21*); Vua Gio-át, một vị vua khác của Ít-ra-en, cũng gọi Ê-li-sa là cha (x. *2V 13,14*). Bên cạnh đó, giữa những nữ ngôn sứ của Ít-ra-en, Đơ-vô-ra được gọi là mẹ của Ít-ra-en (x. *Tl 5,7*). Do đó, ngôn sứ có vai trò như là cha, là mẹ không phải chỉ để lãnh đạo, nhưng còn là thông dịch, diễn giải và làm chứng điều mình thông truyền. Đóng vai trò cha hoặc mẹ, ngôn sứ còn là tư vấn, vì họ có khả năng thấu hiểu những điều mà người thường không thể biết được¹⁹.

II. VAI TRÒ CỦA CÁC NGÔN SỨ TRONG THỜI CỤU ƯỚC

¹⁷ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 80-81.

¹⁸ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 81.

¹⁹ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 81-82.

Tác giả thư Híp-ri đã khẳng định rằng: “Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ” (*Hr 1,1*). Quả vậy, ngôn sứ trở thành trung gian để Thiên Chúa nói với dân của người và để con người bày tỏ tâm tình của mình lên Thiên Chúa.

1. Đối với Thiên Chúa

1.1. Trung gian giữa Thiên Chúa và dân chúng

Trước tiên, chúng ta khẳng định rằng ngôn sứ là sứ giả của Thiên Chúa, được Thiên Chúa ủy quyền để loan báo những thông điệp của Thiên Chúa. Kế đến, nội dung của sứ điệp phải là ý định hay mệnh lệnh của Thiên Chúa. Ngôn sứ trở thành phát ngôn viên của Thiên Chúa, là người hướng dẫn dân sống theo đường lối của Thiên Chúa, và tuân giữ những điều đã cam kết với Thiên Chúa²⁰. Họ cầu nguyện cho dân và chuyển cầu những ước nguyện của dân đến trước nhan Thiên Chúa. Vì thế, ngôn sứ trở thành trung gian giữa Thiên Chúa và con người, giúp dân đi trong đường lối của Thiên Chúa. Mô-sê đã trở thành trung gian giữa Thiên Chúa và dân Ít-ra-en để biểu lộ quyền năng của Thiên Chúa trước quân Ai-cập và Pha-ra-ô (x. *Xh 7,8 – 11,9; 14,15-31*); hơn nữa, ông còn đại diện dân để bày tỏ những nhu cầu được ăn bánh và thịt, hay uống nước lên Thiên Chúa trong hành trình tiến về đất Hứa (x. *Xh 15,22-27; 16,1-35; Ds 2,1-13*).

1.2. Nói lời của Thiên Chúa

Ngôn sứ là người được Thiên Chúa tuyển chọn, không phải để truyền tải thông điệp theo ý riêng của mình, nhưng theo ý định của Thiên Chúa. Họ nói nhân danh Thiên Chúa, và nói bằng lời của Thiên Chúa²¹. Chúng ta trở lại với kinh nghiệm của ngôn sứ Ê-dê-ki-en, khi Chúa chọn ông làm ngôn sứ, để nhận ra vai trò cốt yếu của ngôn sứ là phải nói lời của Thiên Chúa.

²⁰ x. BRUCE VAWTER, *Introduction to Prophetic Literature*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, p. 198.

²¹ x. BRUCE VAWTER, *Introduction to Prophetic Literature*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, p. 197.

Hỡi con người, tất cả những lời Ta phán với ngươi, hãy ghi lòng tạc dạ và nghe cho tỏ. Rồi ngươi hãy đi đến với những kẻ lưu đày, đến với con cái dân ngươi và nói với chúng: “ĐỨC CHÚA là Chúa Thượng phán thế này”, dù chúng nghe hay không (Ed 3,10-11).

Ngôn sứ đã tiếp xúc trực tiếp cách cá vị với Thiên Chúa, được mặc khải về sự thánh thiện và ý muốn của Người, nên các ngôn sứ của Thiên Chúa nhìn thấy mọi sự theo lăng kính của Thiên Chúa, để phán đoán hiện tại, và nhìn về tương lai dưới ánh sáng của Người. Ngôn sứ được Thiên Chúa tuyển chọn và gửi đến, để cảnh tỉnh con người nhớ lại giao ước xưa, phản tỉnh trước tình trạng của mình và đưa họ trở về con đường vâng phục và yêu mến Thiên Chúa²². Thật vậy, việc tương quan cá vị với Thiên Chúa không làm cho các ngôn sứ mất ý thức về nhân vị của mình, nhưng làm cho họ cảm thấy được tác động mãnh liệt của thánh linh, và nói nhân danh Chúa. Các ngôn sứ ý thức mình là phương tiện, là công cụ của Thiên Chúa dùng để truyền tải ý muốn của Người cho dân. Vì thế, các ngôn sứ luôn nhắc lại “sấm ngôn của Đức Chúa” trong những lần tuyên sấm để khẳng định đó là lời của Thiên Chúa²³.

1.3. Giải thích kế hoạch và ý định của Thiên Chúa cho dân chúng

Ngôn sứ là trung gian giữa Thiên Chúa và dân của Người, và trình bày sứ điệp của Thiên Chúa đến dân dưới nhiều hình thức như biểu tượng, giảng thuyết và tác phẩm. Chúng ta nhận thấy ngôn sứ Hô-sê đã lấy cả cuộc đời của mình như là biểu tượng tình yêu của Thiên Chúa dành cho Ít-ra-en, hầu cho dân chúng nhận ra sự vô ơn bội nghĩa của mình, nhưng Thiên Chúa rất mực thủy chung. Đó câu chuyện đan xen giữa những phản bội và thủy chung, giữa những lỗi phạm và lời hứa, giữa tội lỗi và sự tha thứ (x. Hs 1-3). Ngoài ra, ngôn sứ Hô-sê đã khẳng định tình yêu của Thiên Chúa dành cho Ít-ra-en luôn bền vững, không bao giờ thay đổi²⁴.

Hỡi Ép-ra-im, Ta từ chối ngươi sao nổi!

Hỡi Ít-ra-en, Ta trao nộp ngươi sao đành!

²² x. VŨ PHAN LONG, *Các Sách Ngôn Sứ*, tr. 26.

²³ x. NGUYỄN NGỌC RAO, *Các sách Ngôn sứ*, Nhà XB (không), Nội XB (không), 2006, tr. 26.

²⁴ x. BRUCE VAWTER, *Introduction to Prophetic Literature*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, p. 199.

*Làm sao Ta xử với người như với Át-ma,
để người nên giống như Xơ-vô-gim được?
Trái tim Ta thốn thức, ruột gan Ta bồi hồi.
Ta sẽ không hành động theo cơn nóng giận,
sẽ không tiêu diệt Ép-ra-im nữa,
vì Ta là Thiên Chúa, chứ không phải người phàm.
Ở giữa người, Ta là Đấng Thánh,
và Ta sẽ không đến trong cơn thịnh nộ (Hs 11,8-9).*

Kể đến, chúng ta nhận thấy ngôn sứ I-sai-a đã ở trần và đi chân không trong ba năm để tiên báo Ai-cập phải làm tội cho Át-sua (x. Is 20, 2-3). Và ngôn sứ A-mốt không chỉ loan báo những hình phạt của Thiên Chúa, mà còn giải thích lý do cho dân chúng. Khi đó, A-mốt đã tố cáo hàng loạt những tội như sự xa hoa, bất công, nền phụng tự giả trá và sự an toàn giả tạo về tôn giáo²⁵.

2. Đối với cộng đồng dân chúng

2.1. Cầu nguyện và chuyển cầu cho dân

Cầu nguyện là một yếu tố quan trọng, là việc làm hàng ngày trong đời sống của ngôn sứ để Thiên Chúa chiêm trợn và trở nên tâm giao với Thiên Chúa; nhờ đó, ngôn sứ có thể nhận biết và thi hành thánh ý của Thiên Chúa. Quả thật, để chuyển cầu ý muốn của loài người lên Thiên Chúa, ngôn sứ không chỉ là mẫu gương trong đời sống cầu nguyện, nhưng còn phải thánh ý của Thiên Chúa, và làm vui lòng Người trong đời sống cầu nguyện của mình. Khi toàn dân hầu như đã chạy theo thần Ba-an, ngôn sứ Ê-li-a đã can đảm chống lại bốn trăm năm mươi ngôn sứ của thần Ba-an, bằng cách cầu nguyện với Thiên Chúa để Người thiêu đốt của lễ đang khi ngôn sứ Ê-li-a và các ngôn sứ của Ba-an đang thách thức nhau, hầu giúp Vua A-kháp và dân nhận ra trở về với Thiên Chúa. Ngôn sứ Ê-li-a đã cầu nguyện rằng:

Lạy ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, I-xa-ác và Ít-ra-en! Ước chi hôm nay người ta biết rằng trong Ít-ra-en Ngài là Thiên Chúa và con là tôi tớ Ngài. Cũng vì lời Ngài phán mà con đã làm tất cả các việc này.

²⁵ x. VŨ PHAN LONG, *Các Sách Ngôn Sứ*, tr. 65-66.

Xin đáp lời con, lay ĐỨC CHÚA, xin đáp lời con, để dân này nhận biết Ngài là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa thật, và Ngài đã khiến họ thay lòng đổi dạ. Bấy giờ lửa của ĐỨC CHÚA ập xuống, thiêu rụi của lễ, củi, đá và bụi, cả nước trong mương cũng hút cạn luôn. Toàn dân thấy vậy, liền phủ phục sát đất và nói: “ĐỨC CHÚA quả là Thiên Chúa! ĐỨC CHÚA quả là Thiên Chúa!” (1V 18,36-39).

Ngoài ra, chúng ta nhận thấy tổ phụ Áp-ra-ham đã cầu nguyện và “thương lượng” với Thiên Chúa về điều sẽ xảy ra cho thành Xơ-đôm. Áp-ra-ham hỏi: “Chẳng lẽ Người tiêu diệt người lành một trật với kẻ dữ sao?”. Theo sự “mặc cả” của Áp-ra-ham, Thiên Chúa đồng ý tha chết cho dân thành Xơ-đôm nếu có năm mươi, rồi giảm xuống bốn lăm, bốn mươi, ba mươi, hai mươi người lành; thậm chí, chỉ có mười người lành; nhờ đó, ông đã cứu thành Xơ-đôm khỏi đại họa (x. St 18,20-32). Hơn nữa, khi ông Áp-ra-ham và vợ là Sa-rah di cư qua vùng của vua A-vi-me-léc. Áp-ra-ham đã nói Sa-rah là em gái của mình trước vua A-vi-me-léc để tránh bị giết vì nhan sắc của bà. Tuy nhiên, sau khi vua A-vi-me-léc bắt giữ Sa-rah, ông được Thiên Chúa cảnh báo trong giấc mộng là sẽ chết và không được chạm vào Sa-rah, vì bà là vợ của Áp-ra-ham. Do đó, vua A-vi-me-léc sợ hãi và trả bà Sa-rah lại cho ông Áp-ra-ham. Sau đó, ông Áp-ra-ham đã cầu nguyện với Thiên Chúa hầu giúp vua A-vi-me-léc được sống, vợ vua và các nữ tỳ của vua có thể sinh con, và Thiên Chúa đã nhận lời cầu nguyện của ông (x. St 20).

2.2. Chữa lành bệnh tật cho dân

Các ngôn sứ của Đức Chúa không những quan tâm đến việc chặn dốt dân Chúa để họ trung thành với giao ước và phụng thờ Thiên Chúa, nhưng còn chữa lành bệnh tật cho dân chúng. Trước hết, ngôn sứ I-sai-a đã chữa lành vua Khít-ki-gia khi ông đang đứng trước ngưỡng cửa của tử thần (x. 2V 20,7). Kế đến, ngôn sứ Ê-li-sa đã chữa lành bệnh phong cho Na-a-man khi bảo ông xuống tắm bảy lần trong sông Gio-đan (x. 2V 5,1-19), và ông làm cho con của người phụ nữ Su-nêm sống lại (x. 2V 4,8-37). Cuối cùng, ngôn sứ Ê-li-a đã làm cho con của bà góa thành Xa-rép-ta sống lại, và giúp hai mẹ con bà vượt qua nạn đói (x. 1V 17,7-24). Tuy nhiên, tất cả ngôn sứ đều cầu nguyện và nhân danh Thiên Chúa để chữa lành bệnh tật cho dân Chúa, và

làm cho người chết sống lại. Thiên Chúa là chủ tể sự sống và làm chủ vận mệnh của con người (x. Hc 38,9-14; Đnl 32,39; Hs 6,1). Do đó, khi các ngôn sứ khẩn cầu, cùng với sự hoán cải của dân Chúa thì sẽ nhận được sự chữa lành từ Thiên Chúa.

2.3. Dẫn thân cho công bằng xã hội

Các ngôn sứ của Thiên Chúa không ngừng cổ vũ lòng sùng đạo chân chính và thành tâm, đồng thời, không ngại tố cáo những lạm dụng và thói nát, bất kể những bách hại do vua chúa cũng như hàng tư tế gây nên cho họ, thậm chí bị dân chúng hiểu lầm và lãnh đạm²⁶. Trong tất cả các ngôn sứ, A-mốt nổi bật trong việc chống lại những bất công xã hội để kiến tạo công bằng xã hội. Thiên Chúa của A-mốt đòi hỏi con người phải tôn trọng phẩm giá của tha nhân. Người luôn đứng về phía những kẻ bị áp bức, nghe được tiếng kêu than của họ. Ông đã khẳng định rằng, hãy để công lý tràn ngập như dòng sông, sự công chính như một luồng suối không bao giờ cạn (x. Am 5,24). Đoạn văn này tóm tắt thông điệp của ông về công lý xã hội và sự đối xử công bằng đối với tất cả. A-mốt đã lên án cảnh bóc lột những người cùng quần (x. Am 4,1), chà đạp kẻ túng cực và bắt họ đóng thuế lúa mì (x. Am 5,11), áp bức người vô tội, nhận quà hối lộ và ức hiếp người nghèo tại tòa án (x. Am 5,12), đàn áp và tiêu diệt người nghèo hèn trong xứ (x. Am 8, 4), làm cho cái đấu nhỏ lại, quả cân nặng thêm, làm lệch cán cân, để lấy tiền mua đũa cơ bản và đôi dép lấy người cùng khổ²⁷ (x. Am 8,5-6).

Bên cạnh đó, khi đứng trước sự bất công trong xã hội tôn giáo Ít-ra-en, ngôn sứ I-sai-a đã than phiền về việc thiếu tôn trọng sự thật và công lý của những người cầm cân nảy mực. Họ không còn là những con người của sự trung tín nữa, nhưng đã trở thành những tay đao phủ và những kẻ nổi loạn.

Các thủ lãnh của người là những kẻ phản nghịch, đồng lõa cùng trộm cướp. Tất cả bọn chúng đều thích ăn hối lộ, và chạy theo quà cáp. Chúng không phân xử công minh cho cô nhi, cũng chẳng quan tâm đến quyền lợi quả phụ (Is 1,23).

²⁶ x. APRAHAM J. HESCHEL, *The Prophets*, Harper & Row, New York, 1962, tr. 7-8.

²⁷ x. APRAHAM J. HESCHEL, *The Prophets*, tr. 4-6.

Sự xa hoa và phung phí đã gây ra óc kiêu căng nơi những nhóm người có đặc quyền đặc lợi trong dân chúng. Họ đã hoàn toàn quên mất lề luật của Thiên Chúa mà bóc lột người nghèo không chút xót thương. Họ sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu, không nghĩ đến ngày bị trừng phạt²⁸.

Khốn thay những kẻ đặt ra các luật lệ bất công, những kẻ viết nên các chỉ thị áp bức, để cản người yếu hèn hưởng công lý, tước đoạt quyền lợi người nghèo khó trong dân, để biến bà góa thành mồ ngon cho chúng và bóc lột kẻ mồ côi (Is 10,1-2).

Ngôn sứ I-sai-a đã ghi nhận nhiều bất công, án xử võ đoán, tham nhũng của các giới chức, tham lam của các chủ đất, và áp chế từ phía nhà cầm quyền. Tồi tệ hơn, dân chúng cho rằng họ có thể che phủ được tất cả mọi vết thương này bằng một đời sống đạo đức giả dối và vô số những việc hành đạo²⁹.

2.4. Ưu tiên bênh vực người nghèo

Ngôn sứ là trung gian giữa Thiên Chúa và con người, là phát ngôn viên của Thiên Chúa để chống lại xã hội bất công và đàn áp. Sứ điệp của họ không đơn thuần là một bản cáo trạng, nhưng còn là lời kêu gọi hoán cải và lời thách thức những người giàu, vì các ngôn sứ là những người trung thành trong việc bảo vệ những người nghèo và những người bên lề xã hội. Đối với các ngôn sứ, những hành động bất công trong xã hội đã phá hủy giao ước của Thiên Chúa với dân Ít-ra-en. Giao ước này đòi hỏi con người phải trung thành vâng phục, như được nhấn mạnh trong Torah. Nhưng Ít-ra-en không trung thành với giao ước, và đối với các ngôn sứ, sự bất trung này đã được chứng tỏ rõ ràng trong sự khinh rẻ và đàn áp những người nghèo³⁰.

Khi các người gặt lúa trong đất các người, (các) người không được gặt cho tới sát bờ ruộng; lúa gặt sót, (các) người không được mót: (các) người sẽ bỏ lại cho người nghèo và ngoại kiều. Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của các người (Lv 23,22).

²⁸ x. VŨ PHAN LONG, *Các Sách Ngôn Sứ*, tr. 93.

²⁹ x. VŨ PHAN LONG, *Các Sách Ngôn Sứ*, tr. 92.

³⁰ x. APRAHAM J. HESCHEL, *The Prophets*, p. 4.

Thật vậy, người nghèo đã bị bóc lột đến kiệt quệ và không thương tiếc bởi những người có quyền hành:

Hãy nghe đây hỡi những ai đàn áp người cùng khổ và tiêu diệt kẻ nghèo hèn trong xứ. Các ngươi thăm nghĩ, bao giờ ngày mồng một qua đi, cho ta còn bán lúa; bao giờ mới hết ngày sa-bát để ta bày thóc ra? Ta sẽ lấy tiền bạc mua đĩa cơ bản, đem đôi dép đổi tên cùng khổ; cả lúa nát gạo mục, ta cũng đem ra bán (Am 8,4-6).

Đứng trước thực trạng đó, ngôn sứ A-mốt đã lên án việc biến những người thấp cổ bé họng thành những món hàng hóa để buôn bán, trao đổi với giá rẻ mạt.

Đức Chúa phán thế này: “Vì tội của Ít-ra-en đã lên tới cực độ, Ta sẽ không rút lại bản án. Vì chúng bán người công chính để lấy tiền, bán kẻ nghèo khổ với giá một đôi giày. Vì chúng đập đầu kẻ yếu thế xuống bùn đen và xô người khiêm hạ ra khỏi đường lộ” (Am 2,6-7).

Để tránh sự trừng phạt, cần phải trở về với Đức Chúa (x. Am 5,6; Gr 50,4; Xp 2,3), nhưng trở về với một lòng sùng mộ tự thâm tâm (x. Mk 6,8), trước hết là tìm hiểu Thiên Chúa (x. Hs 6,6; Is 11,9), tin tưởng, và tín nhiệm vào Người (x. Is 7,9; Kb 2,4), sau là tôn trọng lẽ công bình (x. Am 5,24) và thực thi lòng nhân ái đối với tha nhân, nhất là những người bất hạnh (x. Is 1,17), vì Thiên Chúa của chúng ta là một Thiên Chúa yêu thương, quan tâm và bênh vực quyền lợi người nghèo khổ (x. Tv 10,17).

CHƯƠNG II: VAI TRÒ NGÔN SỬ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG Ga 9

I. PHÂN TÍCH BẢN VĂN Ga 9

Ngang qua dấu lạ Đức Giê-su chữa lành anh mù ngay từ thuở mới sinh, một lần nữa, Đức Giê-su mặc khải cho chúng ta biết Người là ai, và đến từ đâu³¹.

1. Giới hạn bản văn

1.1. Không gian

Ga 9 được đặt trong bối cảnh của dịp lễ Lều của người Do Thái (x. Ga 7,1 – 10,21). Trong bối cảnh đó, những nhà chức sắc Do Thái tranh luận và thắc mắc về căn tính, và cội nguồn của Đức Giê-su. Người đã nhiều lần trả lời, nhưng họ không hiểu. Trái lại, họ đã nhiều lần tìm cách bắt Đức Giê-su, nhưng không thể, vì giờ của Người chưa đến (x. Ga 7,30; 8,20). Những câu cuối của Ga 8 cho chúng ta thấy bầu khí rất căng thẳng: “Họ liền lấy đá để ném Người. Nhưng Đức Giê-su lánh đi và ra khỏi đền thờ” (Ga 8,59). Đến Ga 9, chúng ta thấy bắt đầu một phân đoạn mới, có sự thay đổi về nơi chốn, sự xuất hiện của anh mù, và cha mẹ của anh³². Câu chuyện Đức Giê-su chữa lành người mù từ thuở mới sinh được diễn ra ở ngoài đền thờ.

1.2. Nhân vật

Trước Ga 9, chúng ta thấy xuất hiện nhiều nhân vật như: người phụ nữ ngoại tình (x. Ga 8,2-11), người Do Thái và người Pha-ri-sêu (x. Ga 8,2-59). Trong Ga 9, chúng ta nhận thấy xuất hiện thêm người mù từ thuở mới sinh, và cha mẹ của anh. Lúc này, toàn bộ câu chuyện được xoay chuyển xung quanh người mù. Anh được xuất hiện trong toàn bộ chương 9, là nhân vật được bàn tán nhiều nhất; ngược

³¹ x. GAIL R. O'DAY AND SUSAN E. HYLEN, *John*, Westminster John Knox Press Louisville, USA, 1989, p. 97.

³² x. MAI VĂN KÍNH, *Đến gặp Đức Giê-su Ki-tô nơi các Tin Mừng*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2019, tr. 224.

lại, Đức Giê-su không xuất hiện liên tục trong Ga 9, nhưng chủ đề tranh luận của Ga 9 được xoay quanh nhân vật Giê-su, về căn tính và nguồn cội của Người.

2. Cấu trúc bản văn

Theo cha Vũ Phan Long, Ga 9 được chia thành bốn phần:

- 1) Đức Giê-su và các môn đệ đối diện với anh mù (9,1-5);
- 2) Đức Giê-su chữa lành anh mù (9,6-7);
- 3) Cuộc xử án (9,8-33);
 - a) Láng giềng và anh mù (9,8-12),
 - b) Người Pha-ri-sêu (9,13-17),
 - c) Cha mẹ anh mù (9,18-23),
 - d) Người Pha-ri-sêu (9,24-34a);
- 4) Đức Giê-su tuyên án (9,34b-41);
 - a) Anh mù bị người Pha-ri-sêu tống ra ngoài (9,34b),
 - b) Anh mù được Đức Giê-su đón tiếp và anh tin nhận Người (9,35-38),
 - c) Đức Giê-su kết án người Pha-ri-sêu (9,39-41)³³.

Bên cạnh đó, học giả PHEME PERKINS đã chia *Ga 9* được chia thành 6 phần:

- 1) Đức Giê-su chữa người mù từ thuở bẩm sinh (9,1-12).
- 2) Người Pha-ri-sêu chất vấn người mù (9,13-17).
- 3) Người Do Thái chất vấn cha mẹ của anh mù (9,18-23).
- 4) Cuộc chất vấn lần thứ hai và việc trục xuất anh mù ra khỏi hội đường (9,24-34).
- 5) Đức Giê-su là Con Người (9,35-38).
- 6) Sự mù lòa của người Pha-ri-sêu (9,39-41)³⁴.

³³ VŨ PHAN LONG, *Các bài Tin Mừng Gio-an dùng trong Phụng vụ*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 226-227.

³⁴ x. PHEME PERKINS, *The Gospel according to John*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, edited by Raymond E. Brown, Joseph A. Fitzmyer, Roland E. Murphy, Prentice Hall, U.S.A, 1988, p. 950-951.

Trong bài nghiên cứu này, người nghiên cứu phân đoạn dựa trên sự xuất hiện và biến mất của Đức Giê-su. Do đó, Ga 9 được chia thành ba phần:

- 1) Đức Giê-su hiện diện (1-7)
- 2) Đức Giê-su vắng mặt (8-34)
- 3) Đức Giê-su xuất hiện trở lại (35-41)

2.1. Đức Giê-su hiện diện (1-7)

Đức Giê-su hiện diện và gặp người mù từ khi mới sinh. Trong giai đoạn này câu chuyện diễn tiến từ sự mù lòa đến sự chữa lành của anh mù. Đức Giê-su xuất hiện đã thay đổi hoàn toàn cuộc đời của anh mù, giúp anh thoát cảnh mù lòa thể lý để bắt đầu một cuộc sống mới.

2.2. Đức Giê-su vắng mặt (8-34)

Người mù được chữa lành phải đối mặt với hàng loạt câu hỏi liên quan đến sự lành bệnh của mình và căn tính của Đức Giê-su. Sau những cuộc thẩm vấn, người mù bị trục xuất khỏi hội đường vì dám tuyên xưng điều đối nghịch với quan niệm của những người Do Thái và Pha-ri-sêu. Trong các cuộc tranh luận này, Đức Giê-su không hiện diện trong Ga 9,8-34, nhưng nội dung và chủ đề là truy tìm căn tính của Đức Giê-su, buộc người đối thoại phải nói rõ quan điểm của mình về Đức Giê-su³⁵. Chúng ta bắt gặp nhiều danh xưng khác nhau mà các nhân vật gán cho “danh” Giê-su, từ “một người được gọi là Giê-su” là tên gọi thuần túy bên ngoài, cho đến bản chất của Người, với sự tôn trọng (ngôn sứ) lẫn xem thường (người tội lỗi).

2.3. Đức Giê-su xuất hiện trở lại (35-41)

Đức Giê-su xuất hiện trở lại và đưa ra quan điểm của Người về các nhân vật. Trong giai đoạn này, Đức Giê-su khẳng định rằng, có người đi từ sự mù lòa đến xem thấy, có người vẫn mù lòa³⁶.

³⁵ x. SANDRA M. SHNEIDERS, *Written That You May Believe*, The Crossroad Publishing Company, New York, 2003, p. 164-165.

³⁶ x. ANTHONY J. KELLY AND FRANCIS J. MOLONEY, *Experiencing God in the Gospel of John*, Paulist, New York, 2003, p. 211-214.

3. Cốt truyện

3.1. Giải quyết vấn đề

Cốt truyện giải quyết vấn đề tương ứng với câu hỏi: Chuyện gì sẽ xảy ra, tức là sự nối tiếp nhau của các sự kiện. Trong Ga 9, chúng ta thấy có ba giai đoạn, giai đoạn I là người mù đi từ không thấy đến thấy (1 – 7), giai đoạn II là bị trục xuất (8 – 34) và giai đoạn III là cuộc gặp gỡ với Đức Giê-su và việc anh diễn tả đức tin (35 – 38). Trong ba giai đoạn kế tiếp nhau này, người đọc sẽ luôn đặt câu hỏi chuyện gì sẽ xảy ra.

3.1.1. Người mù đi từ chỗ không thấy đến thấy (1-7)

Trong Ga 9,1-7, chúng ta đặt ra nhiều câu hỏi và nghi vấn về người mù từ thuở mới sinh. Tại sao anh ta lại bị mù? Đây là hậu quả do tội của anh mù hay là của cha mẹ anh mù (x. Ga 9,2). Tại sao bèn lại được bôi trên đôi mắt, vốn đã không nhìn thấy, như thể sẽ làm cho chúng trở nên tối tăm hơn? Liệu anh có được chữa lành khi thực hiện theo những cách thức mà Đức Giê-su hướng dẫn anh³⁷. Cuối cùng, người mù đã biến chuyển từ chỗ không thấy đến thấy được. Việc anh mù nhìn thấy được là điểm gỡ nút trong phần này.

3.1.2. Người mù bị trục xuất khỏi hội đường (8-34)

Anh mù từ thuở mới sinh được Đức Giê-su chữa lành trong ngày sa-bát là chủ đề tranh luận trong Ga 9,8-34, không chỉ dân chúng mà cả người Do Thái và Pha-ri-sêu đều đặt vấn đề. Làm sao anh mù có thể nhìn thấy được? Ai là người đã chữa lành anh? Tuy nhiên, trọng tâm của chủ đề đã dịch chuyển qua nhân vật khác, đó là Đức Giê-su. Việc anh mù được chữa lành là một sự thật hiển nhiên, không ai có thể chối cãi. Anh mù và cha mẹ của anh đã xác nhận điều này (x. Ga 9,9-20); tuy nhiên, về Đức Giê-su, người đã chữa lành anh mù thì trở nên “xa lạ” đối với người Do Thái và giới Pha-ri-sêu. Do đó, việc truy tìm căn tính của Đức Giê-su là điều dễ hiểu. Họ tranh luận về việc Đức Giê-su là người tội lỗi hay công chính, là Đáng được Thiên

³⁷ x. ÉLOI LECLERC, *Le Maître Du Désir, Thầy dạy Khát khao đọc Tin Mừng theo Thánh Gio-an*, Chuyển ngữ Minh Anh, Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2011, tr. 130.

Chúa sai đến hay là phạm nhân³⁸. Ở đây, chúng ta bắt gặp nhiều lập trường hay quan điểm khác nhau về căn tính của Đức Giê-su. Mỗi nhân vật đều đặt ra câu hỏi, và tự hỏi Đức Giê-su là ai?

3.1.3. Người mù diễn tả đức tin khi gặp lại Đức Giê-su (35-38)

Đỉnh điểm trong Ga 9,35-38 là việc anh mù tuyên xưng niềm tin của mình vào Đức Giê-su được diễn tả ngang qua hành động sấp mình xuống trước mặt Đức Giê-su (x. Ga 9,38). Trước đó, anh đã giữ vững lập trường của mình về Đức Giê-su trước người Do Thái và giới Pha-ri-sêu đến nỗi anh đã bị họ trục xuất khỏi hội đường. Và khi gặp lại Đức Giê-su, anh đã tuyên xưng niềm tin vào Con Người cách mãnh liệt và xác tín hơn ngang qua hành động phủ phục của mình³⁹.

3.2. Cốt truyện tiết lộ căn tính của Đức Giê-su trong Ga 9

Đứng trước sự kiện anh mù được chữa lành, người Do Thái và Pha-ri-sêu thắc mắc về căn tính của Đức Giê-su; do đó, Đức Giê-su đã lần lượt mặc khải chính mình.

3.2.1. Đức Giê-su là ánh sáng thế gian (5)

Đức Giê-su đã khẳng định, bao lâu Thầy còn ở thế gian, Thầy là ánh sáng thế gian (x. Ga 9,5). Đây là lời khẳng định cách chắc chắn trước khi Đức Giê-su thực hiện hành động chữa lành anh mù, giúp anh nhìn thấy được. Lời khẳng định của Đức Giê-su càng có sức thuyết phục khi Người giúp cho anh mù được nhìn thấy. Quả thật, ánh sáng đã đến với đôi mắt mù lòa, giúp chữa lành căn bệnh mù bẩm sinh, khiến những người chứng kiến phải ngỡ ngàng, thậm chí người Do Thái và Pha-ri-sêu không thể tin được (x. Ga 9,18). Ai có thể làm được điều này, nếu không phải Đấng

³⁸ x. ANTHONY J. KELLY AND FRANCIS J. MOLONEY, *Experiencing God in the Gospel of John*, p. 207-208.

³⁹ x. RUDOLF SCHNACKENBURG, *Das Johannesevangelium – Part II, The Gospel according to St. John – Volume 2*, Translated by Kevin Smyth, The Crossroad Publishing Company, New York, 1982, p. 253-254.

là ánh sáng thế gian, đúng như lời mặc khải của Đức Giê-su cho môn đệ của mình⁴⁰ (x. Ga 9,5).

3.2.2. Đức Giê-su là Con Người (35-37)

Sau khi anh mù bị trục xuất ra khỏi hội đường, Đức Giê-su đã gặp lại anh mù, và đón nhận anh. Hơn nữa, việc mặc khải Đức Giê-su là Con Người đã giúp anh mù tin và phủ phục trước Đức Giê-su (x. Ga 9,38). Khi tiết lộ mình là Con Người, chủ ý đầu tiên của Đức Giê-su là nhấn mạnh rằng Người là một con người trọn vẹn. Người không thiếu một đặc tính nhân bản nào, ngoại trừ tội lỗi. Bên cạnh đó, Người cũng mặc khải nguồn gốc thần linh của Con Người, với sứ mạng làm cho công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện⁴¹ (x. Ga 9,4).

3.2.3. Đức Giê-su là Đấng xét xử thế gian (39-41)

Đức Giê-su đã tiết lộ Người là Con Người, nghĩa là Người vừa mang bản tính Thiên Chúa vừa mang bản tính con người. Do đó, Người thi hành quyền bính Thiên Chúa trong thực tại nhân bản của mình là quyền xét xử. Địa vị siêu việt của Con Người được biểu lộ ra nơi quyền xét xử mọi người. Việc xét xử ấy mang tầm vóc cánh chung và quyết định một cách dứt khoát số phận của mỗi người⁴², như Người đã nói: “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử, cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại nên đi mù” (Ga 9,39).

4. Nhân vật

Trong Ga 9, những cuộc đối thoại giữa người Do Thái với anh mù, hay giữa người Pha-ri-sêu và anh mù đều xoay quanh Đức Giê-su. Tất cả đều nhìn nhận dấu lạ Đức Giê-su đã thực hiện; tuy nhiên, giữa họ lại có cái nhìn trái ngược nhau về căn tính của Đức Giê-su.

4.1. Người Pha-ri-sêu và người Do Thái

⁴⁰ x. SCOTT R. DAVIS, *Jesus is Light: The meaning of light in the Gospel of John*, Virginia Tech, North Carolina, 2018, p. 69-70.

⁴¹ x. NGUYỄN VĂN KHANH, *Đức Giê-su Ki-tô Ngôi Lời Nhập Thể*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2019, tr. 66-73.

⁴² x. NGUYỄN VĂN KHANH, *Đức Giê-su Ki-tô Ngôi Lời Nhập Thể*, tr. 71.

Người Pha-ri-sêu và người Do Thái đã chất vấn anh mù và cha mẹ của anh để kết án Đức Giê-su, vì Người đã làm cho anh mù được thấy trong ngày sa-bát⁴³.

4.1.1. Không nhận ra thiên tính của Đức Giê-su (16)

Trước hết, những người láng giềng đã ngạc nhiên về việc anh mù được nhìn thấy và không ngừng đặt câu hỏi “hắn không phải là người vắn ngồi ăn xin đó sao” (*Ga 9,8*), và giữa họ lại xuất hiện nhiều giả thuyết khác nhau, có người cho đó chính là anh, kẻ khác lại khẳng định đó là một ai giống như anh (*x. Ga 9,9*). Chúng ta nhận thấy, việc anh mù được chữa lành nằm ngoài sự tưởng tượng của xóm làng; hình ảnh xin ăn bên vệ đường đã in sâu trong tâm trí của họ. Hơn nữa, căn bệnh mù bẩm sinh là dấu chấm hết cho những ai có lòng ước ao được nhìn thấy ánh sáng, và đối với anh mù cũng không ngoại lệ. Vì thế, họ bàn tán xôn xao, để xác định căn cước của anh, và tìm xem ai là người đã chữa lành anh qua là điều dễ hiểu (*x. Ga 9,10-12*).

Bên cạnh đó, khiếm khuyết và bệnh tật là hậu quả tất yếu đến từ tội lỗi chiếu theo quan niệm của người Do Thái. Vì thế, các môn đệ đã hỏi Đức Giê-su “Ai đã phạm tội, anh ta hay cha mẹ anh ta, để anh ta sinh ra đã bị mù?” (*Ga 9,2*). Tương tự như thế, giới lãnh đạo Do Thái đồng quan niệm với các môn đệ của Đức Giê-su khi họ tranh luận với anh mù, “mày sinh ra tội lỗi ngập đầu, thế mà mày lại muốn làm thay chúng ta ư” (*Ga 9,34*); tuy nhiên theo Đức Giê-su, sự kiện anh sinh ra bị mù không phải do cha mẹ anh, cũng không phải do tội lỗi của anh (*x. Ga 9,3*). Người không cho biết lý do tại sao anh ta bị mù, nhưng nhấn mạnh đến tình trạng hiện tại. Đó là dịp để Thiên Chúa bày tỏ quyền năng của Người. Dấu lạ Đức Giê-su sắp thực hiện nhằm thể hiện “công việc của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh ta” (*x. Ga 9,3*). Thật ra, khiếm khuyết và bệnh tật là do bất toàn của thể giới hữu hạn, nhưng Thiên Chúa giúp con người vượt qua mọi khiếm khuyết để đạt tới sự sống đích thực nhờ tin vào Con Một của Người là Đức Giê-su⁴⁴; tuy nhiên, giới lãnh đạo Do Thái đã không tin vào Đức Giê-su là người của Thiên Chúa, vì Người vi phạm điều luật Mô-sê cấm

⁴³ x. GAIL R. O'DAY AND SUSAN E. HYLEN, *John*, p. 99-101.

⁴⁴ x. LÊ MINH THÔNG, *Nghe và Thấy trong Tin Mừng Gio-an*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2019, tr. 238.

không được làm việc vào ngày sa-bát (x. *Xh 35,1; Lv 25,2*). Họ đã không nhìn nhận thiên tính của Đức Giê-su; thái độ này hoàn toàn trái ngược với anh mù, vì anh đã nhìn nhận Đức Giê-su là một vị ngôn sứ⁴⁵:

4.1.2. Kết án Đức Giê-su là người tội lỗi (24)

Đức Giê-su chữa lành anh mù trong ngày sa-bát là bằng chứng hiển nhiên cho thấy Người vi phạm luật Mô-sê (x. *Xh 35,1; Lv 25,2*); vì thế, những người Pha-ri-sêu và Do Thái không ngần ngại kết án Đức Giê-su là người tội lỗi⁴⁶ (x. *Ga 9,24*). Tuy nhiên, điều khiến chúng ta ngạc nhiên hơn, đó là họ đã đồng lòng trục xuất khỏi hội đường bất cứ ai dám tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô (x. *Ga 9,22*). Như vậy, đằng sau lời kết án Đức Giê-su là người tội lỗi, thì người Pha-ri-sêu và Do Thái đã thỏa thuận ngầm nhằm loại bỏ những ai tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô. Hậu quả là cha mẹ của anh mù không dám nói sự thật về việc con của ông bà được sáng mắt, vì họ sợ người Do Thái (x. *Ga 9,19-23*).

Một điều tiếp theo khiến không kém phần ngạc nhiên, đó là không phải tất cả giới lãnh đạo Do Thái đều đồng ý kết án Đức Giê-su có tội. Người thuật chuyện cho biết giữa người Do Thái có những ý kiến trái ngược dẫn đến chia rẽ, vì giữa họ, có người khẳng định Đức Giê-su không phải là người đến từ Thiên Chúa vì không giữ ngày sa-bát, và có những người lại nói, làm sao một người tội lỗi có thể làm được những dấu lạ, vì người tội lỗi không thể làm cho người mù được thấy, nên Đức Giê-su không phải là người tội lỗi⁴⁷ (x. *Ga 9,16*). Những quan điểm trái ngược nhau của người Do Thái sẽ được chúng ta bắt gặp ở *Ga 10,19*. Khi Đức Giê-su mặc khải về quyền năng và sứ vụ mục tử nhân lành của người ở *Ga 10,11-18*, người thuật chuyện kết luận ở *Ga 10,19-21*:

Người Do Thái lại chia rẽ nhau vì những lời nói đó. Nhiều người trong nhóm họ nói: “Ông ấy bị quỷ ám và điên khùng rồi! Nghe ông ấy làm

⁴⁵ x. PHEME PERKINS, *The Gospel according to John*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, p. 968.

⁴⁶ x. PHEME PERKINS, *The Gospel according to John*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, p. 967.

⁴⁷ x. LÊ MINH THÔNG, *Nghe và Thấy trong Tin Mừng Gio-an*, tr. 240-241.

gì?” Kê khác bảo: “Người bị quỷ ám đâu nói được như vậy! Quỷ có thể mở mắt cho người mù được sao?”

Như thế, trong giới lãnh đạo Do Thái, có những người Pha-ri-sêu (*Ga 9,16*) và những người Do Thái (*Ga 10,21*) bênh vực Đức Giê-su. Theo họ, Đức Giê-su không phải là người tội lỗi (*Ga 9,16b*) và lời Người không phải của người bị quỷ ám (*Ga 10,21*).

4.1.3. Từ ánh sáng thể lý đến mù lòa đức tin (40-41)

Trong đoạn mô tả này (x. *Ga 9,13-34*), hành trình của người mù và người Pha-ri-sêu đã phát triển theo hai chiều hướng khác nhau. Trong khi người mù chuyển từ bóng đêm của thể giới mù lòa đến ánh sáng đức tin thì những người Pha-ri-sêu lại đi từ ánh sáng thể lý đến mù lòa thiêng liêng⁴⁸.

Mắt họ sáng nhưng lại không thể nhận biết cách trọn vẹn, không nhận ra Đức Giê-su là ai? Họ nói với anh mù: “Anh hãy tôn vinh Thiên Chúa. Chúng tôi biết rằng: “Ông ấy là người tội lỗi” (*Ga 9,24*). Tuy nhiên, một người mù, một người ăn xin, lại cho thấy sự hiểu biết của họ không có sức thuyết phục, khi anh trả lời: “Ông ấy là người tội lỗi hay không, tôi không biết. Tôi chỉ biết một điều: trước đây tôi bị mù mà nay tôi nhìn thấy được” (*Ga 9,25*). Hơn nữa, giới lãnh đạo Do Thái tự nhận là họ không biết nguồn gốc của Đức Giê-su, khi họ nói với anh mù rằng họ biết Thiên Chúa đã nói với Mô-sê; nhưng người này, họ không biết ông ta từ đâu đến (x. *Ga 9,29*). Do đó, chúng ta nhận ra rằng, nếu người Do Thái không biết Đức Giê-su đến từ đâu thì họ không thể biết Đức Giê-su là người tội lỗi hay là người đến từ Thiên Chúa. Vậy họ dựa vào đâu để khẳng định Đức Giê-su là người tội lỗi? (x. *Ga 9,24*); vì thế, chúng ta nhận ra rằng, giới lãnh đạo Do Thái khẳng định là “biết” nhưng thực ra là “không biết” về Đức Giê-su⁴⁹. Theo họ, Đức Giê-su là người tội lỗi, nhưng thực ra họ mới là người có tội vì tự cho mình “biết” (x. *Ga 9,24*) và “thấy” (x. *Ga 9,41*).

⁴⁸ x. GAIL R. O'DAY AND SUSAN E. HYLEN, *John*, p. 101-102.

⁴⁹ x. SANDRA M. SHNEIDERS, *Written That You May Believe*, p. 156-157.

Trong Ga 9,39, động từ “thấy” có nguyên ngữ là Hy Lạp là “βλέπω”, thấy có nghĩa là tin vào Đức Giê-su⁵⁰. Vì thế, ai thấy Đức Giê-su mà không tin thì thuộc nhóm: “những người thấy lại trở nên đui mù” (Ga 9,39). Đây là trường hợp những người Pha-ri-sêu, như Đức Giê-su nói với họ ở Ga 9,41: “Nếu các ông là những người mù, các ông đã chẳng có tội. Nhưng giờ đây các ông nói rằng: ‘Chúng tôi thấy’, nên tội các ông vẫn còn”. Vì thế, người mù ở Ga 9,41 là người biết lắng nghe và đón nhận lời Đức Giê-su để được mở đôi mắt đức tin. Hành trình của anh từ “mù lòa” đến “thấy” và “tin” là “dấu lạ”. Dấu lạ này mời gọi “những người thấy thể lý” đừng ở lại trong tình trạng mù quáng tâm linh như những người Pha-ri-sêu⁵¹.

4.2. Anh mù

4.2.1. Nhận ra Đức Giê-su là một ngôn sứ (17)

Chúng ta thắc mắc tại sao Đức Giê-su lại trộn bùn với nước miếng để bôi vào đôi mắt đã mù lòa của anh (x. Ga 9,6), cách giải quyết vấn đề của Đức Giê-su trở nên kịch tính đối với những người chứng kiến. Gio-an thường xuyên đề cập đến vấn đề này trong trình thuật của mình (x. Ga 9,11; 9,14; 9,15). Sự kiện này giúp chúng ta trở về với trình thuật của sách Sáng thế, việc Thiên Chúa lấy bùn đất nặn ra con người (x. St 2,7). Và nay, Đức Giê-su tiếp tục sáng tạo con người khởi đi từ bùn đất. Người tái tạo con người bằng cách ban lại cho họ một khởi đầu mới, dẫn vào ánh sáng thần linh⁵². Anh mù như một lần nữa, được Đức Giê-su ném vào nguồn cội bụi đất.

Tác giả Gio-an không tường thuật tiến trình tâm lý của anh mù, từ lúc Đức Giê-su bôi bùn vào mắt đến lúc anh đến rửa ở hồ Si-lô-ác. Anh mù không thể “thấy” nhưng có khả năng “nghe”. Nhờ nghe lời Đức Giê-su nói: “Hãy đi rửa ở hồ Si-lô-ác” (Ga 9,7) và thực hiện lời này mà anh nhìn thấy được. Vậy nhờ khả năng nghe, anh mù được thấy. Khả năng này diễn tả qua mạch văn chứ không bằng động từ “nghe”.

⁵⁰ x. Hạn từ “βλέπω”, trong <https://biblehub.com/greek/991.htm> (18/10/2023).

⁵¹ x. LÊ MINH THÔNG, *Nghe và Thấy trong Tin Mừng Gio-an*, tr. 252-253.

⁵² x. ÉLOI LECLERC, *Le Maître Du Désir, Thầy dạy Khát khao đọc Tin Mừng theo Thánh Gio-an*, tr. 129-131.

Chúng ta biết rằng, động từ “ἀκούω” (to hear, to listen: nghe)⁵³, xuất hiện bảy lần trong Ga 9, liên quan đến hành động “nghe” của bốn nhân vật: Thiên Chúa xuất hiện hai lần (x. Ga 9,31), Đức Giê-su xuất hiện một lần (x. Ga 9,35), giới lãnh đạo Do Thái xuất hiện ba lần (x. Ga 9,27.40), và người ta xuất hiện một lần⁵⁴ (x. Ga 9,32). Nghe là một tiến trình; nhờ đó, anh mù bước từ sự mù lòa đến việc nhìn thấy ánh sáng mặt trời, và từ việc nhìn thấy ánh sáng mặt trời anh nhận ra Đức Giê-su là Đấng Ki-tô. Nhờ nghe và làm theo lời Đức Giê-su, anh mù được thấy (Ga 9,7), nhưng anh chưa thực sự thấy và biết Đức Giê-su. Trước sự tra hỏi của giới lãnh đạo Do Thái, anh mù nói Đức Giê-su là một ngôn sứ (Ga 9,17b). Quả thật, Kinh Thánh Cựu Ước tường thuật nhiều phép lạ do các ngôn sứ thực hiện, nhất là ngôn sứ Ê-li-a (x. 1 V 17,7-24) và ngôn sứ Ê-li-sa (x. 2 V 4,1 – 6,7). Vì thế, khi chứng kiến dấu lạ được thực hiện cách tỏ tường trên chính bản thân mình, anh đã kết luận Đức Giê-su là một ngôn sứ. Đây là đáp án hoàn toàn trái nghịch với các nhà chức sắc Do Thái, khi họ cho rằng Đức Giê-su là người tội lỗi⁵⁵.

4.2.2. Khẳng định Đức Giê-su là người bởi Thiên Chúa mà đến (33)

Anh mù đã biến chuyển từ trạng thái mù thể lý đến nhận ra Đức Giê-su là một ngôn sứ; sau đó, anh tiếp tục nhận ra Đức Giê-su là người bởi Thiên Chúa mà đến. Tại sao anh mù có thể đưa ra kết luận sắc bén trước những lý luận của những người Do Thái và Pha-ri-sêu như vậy? Chúng ta nhìn lại một vài lý luận của anh mù dựa trên nền tảng Cựu Ước khi đối diện với những người Do Thái và Pha-ri-sêu. Thiên Chúa không nhậm lời những kẻ tội lỗi (x. Ga 9,31), điều này được đề cập rất nhiều trong Kinh Thánh (x. Is 1,15 ; Tv 66,18; 109,7; Cn 15,29; G 27,9; 35,13; Ga 16,23-27; 1 Ga 3,21-22); trái lại, Thiên Chúa nhậm lời những ai thờ phượng và làm theo ý muốn của Người. Vì thế, khi dấu lạ được thực hiện cách hiển nhiên trên thân xác của mình, thì anh đã mạnh dạn tuyên xưng niềm tin vào Đức Giê-su; cho dù lập trường có trái nghịch với những người lãnh đạo Do Thái, thì anh vẫn khẳng định Đức

⁵³ Hạn từ “ἀκούω”, trong <https://biblehub.com/greek/191.htm> (14/10/2023).

⁵⁴ x. LÊ MINH THÔNG, *Nghe và Thấy trong Tin Mừng Gio-an*, tr. 253.

⁵⁵ x. SANDRA M. SHNEIDERS, *Written That You May Believe*, p. 164.

Giê-su là người bởi Thiên Chúa mà đến⁵⁶ (x. Ga 9,33). Người Do Thái thì nói: “Chúng ta không biết ông ấy bởi đâu mà đến” (Ga 9,29). Còn anh mù, sau khi được sáng mắt đã bênh vực Đức Giê-su dù phải đối diện với những kẻ chất vấn “Ông ấy là người tội lỗi hay không, tôi không biết. Tôi chỉ biết một điều: trước đây tôi bị mù mà nay tôi nhìn thấy được” (Ga 9,25). Lập luận tiếp theo của anh ở Ga 9,31-33 xứng đáng là bài học cho những giới lãnh đạo Do Thái:

Chúng ta biết: Thiên Chúa không nhậm lời những kẻ tội lỗi; còn ai kính sợ Thiên Chúa và làm theo ý của Người, thì Người nhậm lời kẻ ấy. Xưa nay chưa hề nghe nói có ai đã mở mắt cho người mù từ lúc mới sinh. Nếu không phải là người bởi Thiên Chúa mà đến, thì ông ta chẳng làm được gì.

Hơn nữa, dấu lạ Đức Giê-su làm là điều chưa bao giờ nghe nói (x. Ga 9,32), nên trình thuật kể đến ba lần câu hỏi liên quan đến dấu lạ. Trước hết, những người lảng giềng hỏi anh mù sau khi được sáng mắt: “Làm sao mắt của anh mở ra được?” (Ga 9,10). Kế đến, người thuật chuyện cho biết ở Ga 9,15: “Vậy, một lần nữa, những người Pha-ri-sêu hỏi anh ta làm sao anh nhìn thấy được.” Cuối cùng “họ” (những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu) hỏi anh: “Ông ấy đã làm gì cho anh? Ông ấy đã mở mắt cho anh thế nào?” (Ga 9,26). Trong lần thứ ba, anh mù không trả lời câu hỏi này mà hỏi lại những kẻ chất vấn với nét châm biếm: “Tôi đã nói với các ông rồi mà các ông không nghe. Tại sao các ông muốn nghe một lần nữa? Chẳng lẽ các ông cũng muốn trở thành môn đệ Ông ấy?” (Ga 9,27). Lời này cho thấy anh ta không sợ những kẻ có quyền như cha mẹ của anh đã sợ (x. Ga 9,20-22). Đồng thời, anh mù đang chuyển từ trạng thái bị thẩm vấn thành người thẩm vấn, và trở thành “người chỉ đường” cho những người Pha-ri-sêu và Do Thái khi nêu lên câu hỏi: “Hay các ông cũng muốn làm môn đệ của ông ấy chẳng?” (x. Ga 9,27). Ba lần hỏi về dấu

⁵⁶ x. PHEME PERKINS, *The Gospel according to John*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, p. 967.

lạ trên đây đề cao sự ngạc nhiên của thánh giá, đồng thời khẳng định cách gián tiếp Đức Giê-su là Đấng đến từ Thiên Chúa⁵⁷ (x. Ga 9,33).

4.2.3. Hành trình từ sự mù lòa thể lý đến ánh sáng của đức tin (38-39)

Mở đầu Ga 9, thánh Gio-an trình thuật cho chúng ta hình ảnh anh mù từ thuở mới sinh, nhưng đến cuối Ga 9, hình ảnh đó đã thay đổi cách toàn diện. Anh mù từ một người thụ động, được xem là hệ quả của tội lỗi; tuy nhiên, hình ảnh đó đã được thay đổi, đôi mắt mù lòa nay đã nhìn thấy. Anh hoàn toàn chủ động và tự do để tin vào Đức Giê-su. Anh bước từ sự mù lòa thể lý đến nhìn thấy ánh sáng mặt trời, và đỉnh điểm, là tin vào Đức Giê-su là Con Người, là Đấng đến từ Thiên Chúa⁵⁸.

Đối với người mù, hành trình của anh kết thúc với một lời tuyên xưng đức tin rất ý nghĩa: “thưa Ngài, tôi tin” (Ga 9,38), kèm theo đó là một cử chỉ thờ lạy. Hành động tuyên xưng đức tin của anh mù đã ứng nghiệm lời nhắn nhủ của Đức Giê-su là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh (x. Ga 9,3-4). Đồng thời, Ga 9 là một ví dụ điển hình về lời khẳng định của Đức Giê-su ở đoạn Ga 6,29: Đây là công trình của Thiên Chúa: là tin vào Đấng mà Chúa Cha đã sai đến. Anh mù đã bước vào công trình đó và đã tin vào Đức Giê-su, Đấng được Thiên Chúa sai đến. Chúng ta nhận thấy có nhiều mức độ trong cách nhận thức của anh mù về Đức Giê-su, nhưng ở giai đoạn cuối cùng ngang qua hành động tuyên xưng đức tin, thì đó là biểu lộ cao nhất của đức tin, vì anh đã công khai tuyên xưng đức tin của mình vào Đức Giê-su⁵⁹.

Ban đầu, đôi mắt mù lòa khiến anh không thể nhìn thấy Đức Giê-su, nhưng với đôi tai biết lắng nghe, anh đã mau mắn thực hiện những điều Đức Giê-su chỉ dẫn; thậm chí, chúng ta không bắt gặp một cử chỉ, hành động hay phản ứng trực tiếp từ anh mù, nhưng chúng ta biết được nhờ người thuật truyện “anh ta đến rửa ở hồ, và

⁵⁷ x. ANTHONY J. KELLY AND FRANCIS J. MOLONEY, *Experiencing God in the Gospel of John*, p. 209-210.

⁵⁸ x. PHEME PERKINS, *The Gospel according to John*, in *The New Jerome Biblical Commentary*, p. 968.

⁵⁹ x. RAYMOND E. BROWN, *The Gospel and Epistles of John*, The Liturgical, New York City, 1988, p. 57-58.

khi về thì nhìn thấy được” (Ga 9,7). Có thể nói, hành trình tuyên xưng đức tin của anh mù vào Đức Giê-su được bắt đầu, kể từ khi đôi mắt anh được nhìn thấy; nhờ đó, anh đã can đảm để nói lên quan điểm của mình. Đầu tiên, khi được hỏi ai đã mở mắt cho mình, người mù đã trả lời với một thông tin rất chung chung: một người tên là Giê-su (x. Ga 9,11). Đây là tất cả những gì anh biết về Đức Giê-su, đến nỗi, anh không biết Người đang ở đâu (x. Ga 9,12). Kế đến, trong suốt tiến trình bị thẩm vấn, anh mù được yêu cầu phải nói rõ quan điểm của mình về căn tính của Đức Giê-su, và anh đã trả lời không do dự: “Người là một vị ngôn sứ” (Ga 9,17). Sau đó, trong suốt lần thẩm vấn thứ hai trước người Pha-ri-sêu, anh mù khẳng định rằng không ai trước Đức Giê-su có khả năng mở mắt một người mù từ khi mới sinh. Đối với anh, Đức Giê-su còn hơn là một ngôn sứ giữa các ngôn sứ, vì Người đã hoàn thành một phép lạ độc nhất, và chỉ có thể thực hiện được khi Đức Giê-su có mối liên hệ độc đáo với Thiên Chúa. Cuối cùng, khi nghe Đức Giê-su mặc khải về ‘Con Người’, thì anh đã tuyên xưng đức tin vào Người (τὸν υἱὸν τοῦ ἀνθρώπου x. Ga 9,35-38), kèm theo cử chỉ phủ phục diễn tả anh mù đặt hoàn toàn cuộc sống mình vào Đức Giê-su⁶⁰.

Đức Giê-su gặp lại anh ta và nói: “Anh có tin vào Con Người không?” (Ga 9,35) Anh ta chưa biết “Con Người” là ai nhưng nhờ nghe lời Đức Giê-su mặc khải ở Ga 9,37: “Anh đã thấy Người. Chính Người đang nói với anh đây” đã khiến anh tuyên xưng niềm tin và bái lạy Người (x. Ga 9,38). Để đón nhận lời Đức Giê-su ở Ga 9,37, anh mù đã sử dụng cả hai khả năng: “thấy” (anh đã thấy Người) và “nghe” (chính Người đang nói với anh đây). Do đó, Ga 9 đã nối kết ba hành động: “thấy”, “nghe” và “tin” trong hành trình trở thành môn đệ của anh mù, nhờ đó, anh từ một người mù thể lý, được chữa lành; cuối cùng, anh nhận được ánh sáng đức tin và phủ phục trước mặt Đức Giê-su⁶¹.

5. Bối cảnh

⁶⁰ x. SANDRA M. SHNEIDERS, *Written That You May Believe*, p. 164.

⁶¹ x. ANTHONY J. KELLY AND FRANCIS J. MOLONEY, *Experiencing God in the Gospel of John*, p. 212-214.

Trong phần này, chúng ta đặt Ga 9 vào trong toàn bộ Tin Mừng Gio-an; từ đó, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của Ga 9, cách riêng là vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su.

5.1. Ga 9 và các trình thuật trước đó

Các trình thuật trước Ga 9 giúp chúng ta nhận ra rằng: Đức Giê-su đã gặp phải sự chống đối vì chữa bệnh trong ngày sa-bát (x. *Ga 7,23-24*), biết là mình bị đe dọa (x. *Ga 7,1.19.25; 8,40.59*). Đức Giê-su đã mặc khải Người là ánh sáng thế gian (*Ga 8,12*), cao trọng hơn ông Áp-ra-ham (x. *Ga 8,56-58*). Về phía dân chúng, họ được thánh Gio-an tường thuật là sợ người Do Thái (x. *Ga 7,13*), và không biết Đức Giê-su từ đâu đến (x. *Ga 7,11*); cũng như, không biết nguồn gốc của Người (x. *Ga 7,41-42*). Thậm chí, người Do Thái đã chia rẽ với nhau về căn tính của Đức Giê-su (x. *Ga 7,12.27.43*), có sự phân rẽ giữa những người có học thức với nhau và giữa những người này với dân chúng không biết Luật (x. *Ga 7,48-52*). Đối với giới lãnh đạo Do Thái, Đức Giê-su đã nói là họ sẽ chết trong tội (x. *Ga 7,48-52*). Vậy, Ga 9 có gì mới trong bối cảnh toàn bộ Tin Mừng Thứ Tư? Chúng ta nhận thấy, Ga 9 có vai trò như là một ví dụ về những chủ đề đã đề cập trước đó. Đọc Ga 9, chúng ta hiểu rõ hơn vai trò của Đức Giê-su trong tư cách của một ngôn sứ. Đầu tiên, Người chữa lành người đau yếu, cụ thể là anh mù từ thuở mới sinh. Kế đến, Người bênh vực người yếu thế. Thứ ba, Người là ánh sáng thế gian. Và cuối cùng, Người xét xử thế gian.

Đầu tiên, Đức Giê-su chữa lành người đau yếu. Trong Tin Mừng Gio-an, Đức Giê-su đã thực hiện bảy dấu: hóa nước thành rượu (x. *Ga 2,1-12*); chữa con của một quan chức của nhà vua (x. *Ga 4,43-54*); chữa người bại liệt ở hồ Bết-da-tha (x. *Ga 5,1-47*); hóa bánh ra nhiều (x. *Ga 6,1-15*); đi trên mặt biển hồ (x. *Ga 6,16-21*); chữa người mù từ thuở mới sinh (x. *Ga 9,1-41*); và làm cho La-da-rô sống lại (x. *Ga 11,1-44*). Ga 9 là một trong bảy dấu lạ Đức Giê-su đã làm để chữa lành người đau ốm, bệnh tật; nhờ đó, Đức Giê-su mời gọi người chứng kiến tin vào Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa, và để nhờ tin mà được sự sống nhờ danh Người (x. *Ga 2,11.23; 4,53; 11,45*).

Kể đến, Đức Giê-su bênh vực người yếu thế. Trong Tin Mừng Gio-an, chúng ta nhận ra Đức Giê-su đã nhiều lần bênh vực người yếu thế. Người đã chữa lành một người ở Bết-da-tha, giúp anh hòa nhập lại cuộc sống sau ba mươi tám năm đau ốm (x. *Ga 5,1-9*). Kể đến, trong *Ga 8*, Đức Giê-su đã bênh vực người phụ nữ ngoại tình bằng lý lẽ “yêu thương và tha thứ”, nhờ đó, chị đã được giải thoát khỏi việc bị ném đá, và trở về cùng với lời căn dặn của Đức Giê-su: “Chị về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa” (*Ga 8,11*). Đến *Ga 9*, Đức Giê-su tiếp tục chữa lành anh mù từ thuở sơ sinh. Một người mất hết khả năng sinh tồn, nếu không dựa vào lòng trắc ẩn từ người khác, nhưng Đức Giê-su đã đến và chữa lành anh. Tuy nhiên, sau đó không lâu, anh lại bị trục xuất khỏi hội đường vì dám tuyên xưng niềm tin của mình vào Đức Giê-su, trái với lập trường của các nhà chức sắc Do Thái. Trong hoàn cảnh đó, Đức Giê-su, một lần nữa, đã xuất hiện và đón nhận anh, giúp anh xác tín mạnh mẽ hơn niềm tin của mình vào Đức Giê-su là Đấng đến từ Thiên Chúa. Đây là điểm khác biệt của *Ga 9*, so với các trình thuật khác trước đó, vì anh mù, người vừa thụ hưởng và chứng kiến cách hiển nhiên dấu lạ được Đức Giê-su thực hiện trên chính thân thể của mình, đã can đảm tuyên xưng niềm tin của mình vào Đức Giê-su, cho dù bị truy vấn bởi những người Do Thái và Pha-ri-sêu⁶².

Thứ ba, Đức Giê-su là ánh sáng thế gian. Chủ đề Đức Giê-su là ánh sáng được thánh Gio-an triển khai ngay từ lời tựa: “Ngôi Lời là ánh sáng thật, ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người” (*Ga 1,9*). Đề tài này còn được trình bày nhiều lần trong Tin Mừng Gio-an, hầu giúp cho những ai tin và bước theo Đức Giê-su sẽ bước đi trong ánh sáng (x. *Ga 8,12*); tuy nhiên, Người đã gặp nhiều sự chống đối: “Ánh sáng đã đến thế gian, nhưng người ta chuộng bóng tối hơn ánh sáng, vì các việc họ làm đều xấu xa” (*Ga 3,19*). Quả thật, Đức Giê-su là ánh sáng có quyền năng tách biệt giữa những người tin và kẻ phủ nhận, như Người đã nói với người Do Thái: “Tôi là ánh sáng thế gian. Ai theo tôi, sẽ không phải đi trong bóng tối, nhưng sẽ nhận được ánh sáng đem lại sự sống” (*Ga 8,12*). Ngay từ sách *Sáng thế*, Thiên Chúa đã tách biệt giữa ánh sáng và bóng tối (x. *St 1,2*). Do đó, những ai tin vào Đức Giê-su sẽ bước đi

⁶² x. GAIL R. O'DAY AND SUSAN E. HYLEN, *John*, p. 99-101.

trong ánh sáng; ngược lại, những người không tin phải bước đi trong bóng tối. Đến Ga 9, chúng ta nhận ra sự cứng lòng tin của người Do Thái và những người Pha-ri-sêu, khi họ kết án Đức Giê-su là người tội lỗi; ngược lại, anh mù được chữa lành ngày càng xác tín niềm tin của mình vào Đức Giê-su. Anh mù được chữa lành đôi mắt thể lý, và ngày càng nhận ra Đức Giê-su là ánh sáng thật; trong khi đó, những người Pha-ri-sêu, tự nhận là sáng mắt nhưng lại mù lòa trong đức tin⁶³.

Cuối cùng, Đức Giê-su xét xử thế gian. *Sách Giảng viên* nói rằng: “Người công chính cũng như kẻ gian ác đều sẽ bị Thiên Chúa xét xử. Vì mọi sự, mọi việc, đều có thời, có lúc” (Gv 3,17). Bên cạnh đó, tác giả *Thánh vịnh* cũng khẳng định sự xét xử công bình của Thiên Chúa: “Các tầng trời tuyên bố Chúa công minh, vì chính Người sẽ đứng ra xét xử” (Tv 50,6). Thiên Chúa đã khẳng định vai trò xét xử của người rất công bằng cho tất cả mọi người (x. Ed 33,20). Qua Tân Ước, Đức Giê-su nói rằng: “Chúa Cha không xét xử một ai, nhưng đã ban cho Người Con mọi quyền xét xử, để ai nấy đều tôn kính người Con như tôn kính Chúa Cha” (Ga 5,22). Ngoài ra, Người cũng khẳng định rằng: “Tôi không thể tự ý mình làm gì. Tôi xét xử theo như tôi được nghe, và phán quyết của tôi thật công minh, vì tôi không tìm cách làm theo ý riêng, nhưng theo ý Đấng đã sai tôi” (Ga 5,20). Do đó, phán xét của Đức Giê-su luôn theo sự thật, công bằng, vì không phải chỉ có mình Người, nhưng có Đức Giê-su và Chúa Cha (x. Ga 8,15-16). Đến Ga 9, vai trò xét xử của Đức Giê-su được mô tả cách cụ thể hơn: “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử: cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại nên đui mù” (Ga 9,39).

5.2. Ga 9 và các trình thuật sau đó

Ga 9 không chỉ lấy lại một vài chủ đề của những trình thuật trước mà còn mở rộng các chủ đề đó trong các trình thuật sau. Diễn từ Ga 10 có thể được xem là tiếp nối với những lời tuyên bố của Đức Giê-su ở Ga 9. Những nhân vật xuất hiện trong diễn từ của Ga 10 như: mục tử, kẻ trộm, kẻ chăn thuê, chiên, đã hiện diện một cách tiềm tàng trong Ga 9. Những hành vi và thái độ của những nhân vật ẩn dụ này

⁶³ x. SANDRA M. SHNEIDERS, *Written That You May Believe*, p. 156.

diễn tả chính những nhân vật trong Ga 9; qua đó, chúng ta nhận ra hình ảnh Đức Giê-su bên vực những người yếu thế, cách riêng là đoàn chiên của Người.

Bên cạnh đó, Ga 9 chuẩn bị cho trình thuật phục sinh của La-da-rô. Trong Tin Mừng Gio-an, hai phép lạ này không thể tách biệt nhau, không chỉ vì chúng nói đến quyền năng thần linh của Đức Giê-su, nhưng vì người mù và La-da-rô là những nhân vật duy nhất và là đối tượng của sự bắt bớ vì hồng ân mà họ đã lãnh nhận: Người mù bị trục xuất (x. Ga 9,34), La-da-rô bị đe dọa giết chết (x. Ga 12,10-11).

Cuối cùng, Ga 9 cũng làm sáng tỏ chủ đề đức tin vào Đức Giê-su đã được phác họa ở Ga 4,48 và Ga 6,40 về mối liên hệ thấy và tin (x. Ga 6,36; 11,45; 20,29-31). Chủ đề này sẽ được khẳng định lại một lần nữa rõ ràng trong Ga 20. Ga 9 nhấn mạnh đến việc mở mắt, cách thức để tạo ra sự liên hệ giữa thấy và tin. Tất cả những điều này mời người đọc hướng đến một tình huống có thể nói là tương tự nếu chúng ta đọc Ga 9 khởi đi từ Ga 20.

II. VAI TRÒ NGÔN SÚ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG Ga 9

1. Đức Giê-su chữa lành người mù (6-7)

Ga 9,6:

⁶ Ταῦτα εἰπὼν, ἔπτυσεν χαμαί, καὶ ἐποίησεν πηλὸν ἐκ τοῦ πτύσματος, καὶ ἐπέχρισεν τὸν πηλὸν ἐπὶ τοὺς ὀφθαλμοὺς τοῦ τυφλοῦ,

⁶Nói xong, Đức Giê-su nhổ nước miếng xuống đất, trộn thành bùn và xúc vào mắt người mù,

Ga 9,7:

⁷ καὶ εἶπεν αὐτῷ, Ὑπαγε νίψαι εἰς τὴν κολυμβήθραν τοῦ Σιλωάμ- ὃ ἐρμηνεύεται, Ἀπεσταλμένος. Ἀπήλθεν οὖν καὶ ἐνίψατο, καὶ ἤλθεν βλέπων.

⁷rồi bảo anh ta: "Anh hãy đến hồ Si-lô-ác mà rửa" (Si-lô-ác có nghĩa là: người được sai phái). Vậy anh ta đến rửa ở hồ, và khi về thì nhìn thấy được.

Để chữa cho anh mù, “Đức Giê-su nhổ nước miếng xuống đất, trộn thành bùn và xúc vào mắt người mù” (x. Ga 9,6). Điều này gây khó hiểu đối với độc giả

thời hiện đại, vì “nhỏ nước miếng trộn bùn” có vẻ thiếu vệ sinh. Hơn nữa, anh mù đang sống trong cảnh mù lòa từ thuở sơ sinh, nay được xúc bùn lên mắt, không khác gì làm anh thêm tăm tối, và đẩy đời anh vào ngõ cụt. Tuy nhiên, hành động của Đức Giê-su diễn tả ý nghĩa biểu tượng mang tích bí tích. Trước hết, “xúc bùn lên mắt” để bệnh nhân ý thức tình trạng thật của anh là hoàn toàn bất lực, mù bẩm sinh là căn bệnh khó được chữa lành. Tuy nhiên, nếu chữa được, thì phải có sự can thiệp của Thần Linh. Như trong Cựu Ước, ông Tô-bít đã được Thiên Chúa sai thiên sứ Ra-pha-en đến để chữa lành đôi mắt mù lòa của ông (x. *Tb 12,11-14*); thì nay, anh mù được chính Đức Giê-su đến để chữa lành đôi mắt mù bẩm sinh. Tiếp đến, hành động trộn bùn của Đức Giê-su gợi nhớ hình ảnh Thiên Chúa nhào nặn con người từ bụi đất (x. *St 2,7*). Vì vậy, hành động của Đức Giê-su không chỉ là chữa bệnh, nhưng còn mang ý nghĩa sáng tạo mới. Người đã mở ra một cuộc đời mới cho anh mù⁶⁴.

Ngoài ra, tác giả sử dụng động từ “ἐπιχρίω”⁶⁵ (to anoint) nhằm gợi lại tước hiệu Mê-si-a, Đấng Ki-tô (Người được xúc dầu) của Đức Giê-su. Qua hành động xúc bùn này, Đấng Ki-tô là Ánh Sáng thế gian (x. *Ga 9,4*), Người tự nguyện để đôi tay của mình chạm vào bùn đất; nhờ đó giúp chúng ta nhận ra, căn tính của Đấng Mê-si-a được vén mở, Đấng được “xúc dầu” không phải ngự trên trời cao thẳm, nhưng hạ mình và đụng chạm đến con người, cách riêng là anh mù⁶⁶.

Sau khi để mình liên đới với anh mù, Đức Giê-su truyền lệnh: “Anh hãy đến hồ Si-lô-ác mà rửa” (*Ga 9,11*). Quả thật, Người có thể chữa lành anh mù ngay tức khắc, nhưng Người muốn anh cộng tác. Người mời gọi anh đi trên đôi chân của mình để đến gặp gỡ Thiên Chúa. Kế đến, hạn từ “Si-lô-ác” được tác giả giải thích là “người được sai phái”, chúng ta hiểu rằng đó chính là “tước hiệu” Đức Giê-su thường xuyên áp dụng cho Người trong tương quan với Chúa Cha⁶⁷. Đức Giê-su nhìn nhận mình là người được sai phái: “Luơng thực của Thầy là làm theo ý Đấng đã sai Thầy”

⁶⁴ x. MAI VĂN SON, *Ngôi Lời trở thành Đấng bị đâm thâu*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020, tr.175-176.

⁶⁵ Hạn từ “ἐπιχρίω”, trong <https://biblehub.com/greek/2025.htm> (13/10/2023).

⁶⁶ x. MAI VĂN SƠN, *Ngôi Lời trở thành Đấng bị đâm thâu*, tr. 176-179.

⁶⁷ x. RAYMOND E. BROWN, *The Gospel and Epistles of John*, p. 56.

(Ga 4,34). Do đó, khi Đức Giê-su mời anh mù tới hồ nước Si-lô-ác mà rửa, thì Người cũng đề nghị anh đến rửa nơi nguồn suối cuộc đời của Đấng được sai phái. Đức Giê-su đã thực hiện dấu lạ chữa lành người mù, đó là làm theo Thánh Ý Chúa Cha⁶⁸.

Về phần của anh mù, trước mệnh lệnh của Đức Giê-su, anh không thối mác, không lên tiếng, ngôn ngữ của anh là hành động. Đoạn đường từ cửa Đền thờ Giê-ru-sa-lem đến hồ nước Si-lô-ác là một chặng đường của sự tin tưởng và phó thác vào một người có tên là Giê-su, chặng đường đó tựa như hành trình đức tin của Tô Phụ Áp-ra-ham đã đi qua (x. St 22,1-18), ông đã thực hiện lệnh truyền của Đức Chúa mà không một lời thối mác, nhưng mau mắn thi hành. Nhờ bước đi trong đức tin, dấu lạ đã xảy ra, đôi mắt mù lòa của anh đã được Đức Giê-su chữa lành⁶⁹ (x. Ga 9,7).

2. Đức Giê-su bênh vực người yếu thế (35-38)

Ga 9,35:

³⁵ *Ἦκουσεν ὁ Ἰησοῦς ὅτι ἐξέβαλον αὐτὸν ἔξω· καὶ εὐρῶν αὐτόν, εἶπεν αὐτῷ, Σὺ πιστεύεις εἰς τὸν υἱὸν τοῦ ἀνθρώπου ;*

³⁵ Đức Giê-su nghe nói họ đã trục xuất anh. Khi gặp lại anh, Người hỏi: “Anh có tin vào Con Người không?”

Ga 9,36:

³⁶ *Ἀπεκρίθη ἐκεῖνος καὶ εἶπεν, Καὶ τίς ἐστίν, κύριε, ἵνα πιστεύσω εἰς αὐτόν;*

³⁶ Anh đáp: “Thưa Ngài, Đấng ấy là ai để tôi tin?”

Ga 9,37:

³⁷ *Εἶπεν δὲ αὐτῷ ὁ Ἰησοῦς, Καὶ ἑώρακας αὐτόν, καὶ ὁ λαλῶν μετὰ σοῦ ἐκεῖνός ἐστιν.*

³⁷ Đức Giê-su trả lời: “Anh đã thấy Người. Chính Người đang nói với anh đây”.

Ga 9,38:

³⁸ *Ὁ δὲ ἔφη, Πιστεύω, κύριε· καὶ προσεκύνησεν αὐτῷ.*

⁶⁸ x. MAI VĂN SƠN, *Ngôi Lời trở thành Đấng bị đâm thâu*, tr. 178.

⁶⁹ x. FRANCIS MARTIN AND WILLIAM M. WRIGHT IV, *The Gospel of John*, Baker Academic, USA, 2014, p. 173.

³⁸ Anh nói: “Thưa Ngài, tôi tin”. Rồi anh sấp mình xuống trước mặt Người.

Trái với thái độ thù nghịch của những người Do Thái, khi nghe nói anh mù đã bị trục xuất khỏi hội đường, Đức Giê-su tìm gặp anh⁷⁰. Hành động này của Đức Giê-su chứng thực cho lời Người đã nói trước đó: “Ai đến với tôi, tôi sẽ không loại ra ngoài” (x. Ga 6,37). Chúng ta biết rằng, hội đường là nơi người Do Thái hội họp với nhau để cầu nguyện và đọc Kinh Thánh. Hội đường không chỉ là nơi phụng tự mà còn là trường học và là trung tâm văn hóa; nhờ đó, niềm tin của người Do Thái được duy trì và lòng đạo đức được nuôi dưỡng⁷¹. Do đó, trục xuất khỏi hội đường nghĩa là cắt đứt mối tương quan với cộng đồng. Thế nhưng, những nhà chức sắc Do Thái đã trục xuất anh mù ra khỏi hội đường, nghĩa là đã ném anh vào ngõ cụt.

Khi gặp lại anh, Đức Giê-su hỏi: “Anh có tin vào Con Người hay không?”. Quả thật, đây là lần thứ hai anh mù gặp Đức Giê-su. Lần đầu, Người chữa lành anh; lần này, Người đón nhận anh trong tình trạng lạc lõng giữa những người Do Thái, nhưng đối với Đức Giê-su, anh xứng đáng trở thành môn đệ của Người. Ở đây, tác giả không mô tả tâm trạng của anh mù khi gặp lại Đức Giê-su, nhưng lại có một dấu chỉ ngôn ngữ đáng chú ý là danh xưng “Κύριε”⁷² (lord, master, sir, the Lord) mà anh dùng để thưa với Đức Giê-su. Như vậy, nếu không nhận ra vị ân nhân đã chữa lành cho mình trước đó, người mà anh tin là một ngôn sứ, thì anh đã không dùng danh xưng cao trọng này để thưa với Đức Giê-su. Giờ đây, Đức Giê-su hỏi anh có tin vào “Con Người” không. Trong Tin Mừng Thứ Tư, tước hiệu “Con Người” hầu như đồng nghĩa với tước hiệu “Người Con” và “Con Thiên Chúa”. Tước hiệu này được dùng để nhấn mạnh căn tính của Đức Giê-su là Đấng đến từ Thiên Chúa, như đã được nhắc đến trong Ga 3,13: “Không ai đã lên, ngoại trừ Đấng từ trời xuống là Con Người”. Vì thế, dù đã tuyên xưng Đức Giê-su là “một vị ngôn sứ” (Ga 9,17), và khẳng định Đức Giê-su là người của Thiên Chúa (x. Ga 9,33), nhưng anh chưa thể hình dung Giê-su

⁷⁰ x. RAYMON E. BROWN, *The Gospel according to John (I-XII)*, Doubleday & Company, New York, 1966, tr. 375

⁷¹ x. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*, dịch giả Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Tôn giáo, Hà Nội, 2017, tr. 2110.

⁷² Hạn từ “Κύριε”, trong <https://biblehub.com/greek/2962.htm> (13/10/2023).

mà anh biết, chính là “Con Người”. Điều đó cho thấy rằng dù đã tin vào Đức Giê-su nhưng anh vẫn chưa hiểu trọn vẹn về căn tính của Người⁷³. Anh hỏi: “Thưa Ngài, Đấng ấy là ai để tôi tin?” (Ga 9,36). Đáp lại khao khát này, Đức Giê-su đã mạc khải căn tính của Người cho anh biết: “Anh đã thấy Người, chính Người đang nói với anh đây” (Ga 9,37).

Động từ “thấy” (ὄρακας) có nguyên ngữ Hy Lạp là “ὁράω” (see, look upon, experience, perceive, discern, beware)⁷⁴, hạn từ này được dùng ở thì hoàn thành, diễn tả một hành động ở quá khứ nhưng ảnh hưởng đến hiện tại và kéo dài. Trình thuật cho biết anh mù “gặp” Đức Giê-su tất cả hai lần. Lần thứ nhất, Người chữa lành mắt cho anh và anh đã tin vào Người như là một ngôn sứ, nhưng anh đã không “thấy” Người trực tiếp bằng con mắt thể lý. Cho nên, trong câu “anh đã thấy Người” (Ga 9,37), động từ “đã thấy” (ở thì hoàn thành) không nhắm đến việc “thấy” bằng con mắt thể lý ở thời điểm hiện tại nhưng là “thấy” bởi lòng tin kể từ lần tiếp xúc đầu tiên. Như vậy, từ lần gặp gỡ thứ nhất, cùng với việc mở mắt thể lý, Đức Giê-su đã mở mắt đức tin cho anh mù⁷⁵.

Ở những lần trước, lòng tin của anh vào Đức Giê-su biểu lộ qua việc kể hay nói cho người khác nghe về những gì Người đã làm cho anh, tranh luận với những người khác về căn cước của Người. Lần này, tác giả dùng động từ “tuyên xưng” và “bái lạy” để diễn tả đức tin của người trước kia bị mù nay được khai sáng hoàn toàn (x. Ga 9,38). Một lần nữa, hạn từ “Người” (Κύριε) được sử dụng, và ở đây, từ này có nghĩa là “Chúa”, bởi vì ngay sau đó, anh bái lạy Đức Giê-su. Thật vậy, động từ “προσεκύνησεν” xuất phát từ động từ “προσκυνέω” có nghĩa là thờ phượng, và đối tượng duy nhất của hành vi này là Thiên Chúa⁷⁶. Việc anh sấp mình bái lạy Đức Giê-su chứng tỏ anh đã nhận ra thiên tính của Người vì trong Tin Mừng Gio-an, việc thờ

⁷³ x. RUDOLF SCHNACKENBURG, *Das Johannesevangelium – Part II, The Gospel according to St. John – Volume 2*, p. 252-254.

⁷⁴ Hạn từ “ὁράω”, trong <https://biblehub.com/greek/3708.htm> (13/10/2023).

⁷⁵ x. RAYMON E. BROWN, *The Gospel according to John (I-XII)*, Doubleday & Company, New York, 1966, p. 375.

⁷⁶ Hạn từ “προσκυνέω”, trong <https://biblehub.com/greek/4352.htm> (13/10/2023).

phượng chỉ dành cho Thiên Chúa⁷⁷ (x. *Ga 4,20-24; Ga 12,20*). Do đó, chúng ta có thể khẳng định hạn từ “Người” (Κόριε) được hiểu là “Chúa”. Đó cũng là nghĩa mà sau này Tô-ma đã dùng để gọi Chúa Phục Sinh: “Lạy Chúa (Κόριος) của con, lạy Thiên Chúa của con (*Ga 20,28*).

3. Đức Giê-su là ánh sáng thế gian (5)

Ga 9,5:

⁵*Ὅταν ἐν τῷ κόσμῳ ᾶ, φῶς εἶμι τοῦ κόσμου.*

⁵*Bao lâu Thầy còn ở thế gian, Thầy là ánh sáng thế gian.*

Trong Tin Mừng thánh Gio-an, ánh sáng và bóng tối là hai biểu tượng của thiện và ác. Ánh sáng tượng trưng cho quyền lực của Thiên Chúa⁷⁸. Trong *Ga 9,5a*, Đức Giê-su nói: “Bao lâu Thầy còn ở thế gian”, nhằm nhấn mạnh đến sự hiện diện của Đức Giê-su, nhưng đồng thời gợi ý về cuộc khổ nạn, cái chết của Người. Trước khi thực hiện việc chữa lành cho anh mù, Đức Giê-su khẳng định: “Thầy là ánh sáng thế gian” (*Ga 9,5b*). Quả vậy, Đức Giê-su là ánh sáng thế gian đã được thánh Gio-an giới thiệu ngay từ đầu của Tin Mừng Thứ Tư: “Ngôi Lời là ánh sáng thật, ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người” (*Ga 1,9*). Ánh sáng đó đã giải thoát người phụ nữ ngoại tình khỏi bị ném đá, và Người đã nói với chị rằng: “Tôi là ánh sáng thế gian. Ai theo tôi, sẽ không phải đi trong bóng tối, nhưng sẽ nhận được ánh sáng đem lại sự sống” (*Ga 8,12*). Do đó, ánh sáng của Đức Giê-su đem lại cho thế gian là giúp họ nhìn nhận, và tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, Đáng được Chúa Cha sai đến⁷⁹.

Ngoài ra, trong Tin Mừng Gio-an, chúng ta nhận ra có bảy diễn từ lớn Đức Giê-su tự mặc khải chính mình, được đánh dấu bằng cụm từ “Εγώ εἶμι” (tôi là): chính tôi là bánh trường sinh (x. *Ga 6,25-58*); tôi là ánh sáng thế gian (x. *Ga 8,12; 9,1-12*); tôi hằng hữu (x. *Ga 8,31-58*); tôi chính là mục tử nhân lành (x. *Ga 10,7-18*); chính thầy là sự sống lại và là sự sống (x. *Ga 11,23-26*); tôi là con đường, là sự thật và là

⁷⁷ x. RAYMON E. BROWN, *The Gospel according to John (I-XII)*, p. 376.

⁷⁸ x. NGÔ NGỌC KHANH, *Tin Mừng theo thánh Gio-an*, Học viện Phanxicô, 2020, tr. 56.

⁷⁹ x. SCOTT R. DAVIS, *Jesus is Light: The meaning of light in the Gospel of John*, p. 69-70.

sự sống (x. Ga 14,1-7); thầy là cây nho thật (x. Ga 15,1-11). Điều này giúp chúng ta liên tưởng đến việc Đức Chúa tự mặc khải Danh Người cho ông Mô-sê trong Xh 3,14: “Ta là Đấng Ta là”⁸⁰. Vì thế, tự bản chất, Đức Giê-su là ánh sáng, hầu soi sáng và dẫn dắt con người nhận ra, và tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, Đấng đến từ Thiên Chúa. Người mang ánh sáng thể chất đến cho anh mù, cũng như Người sẽ mang ánh sáng tâm linh đến thế giới. Do đó, những ai mù thể lý mà tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa thì nhận được ánh sáng và không phải bước đi trong bóng tối (x. Ga 8,12). Ngược lại, thấy thể lý nhưng không tin vào Đức Giê-su thì trở thành người mù thực sự, nghĩa là thuộc về bóng tối, và bước đi trong bóng tối vì không có ánh sáng của sự sống là Đức Giê-su⁸¹.

4. Đức Giê-su xét xử thế gian (39-41)

Ga 9,39:

³⁹ *Καὶ εἶπεν ὁ Ἰησοῦς, Εἰς κρίμα ἐγὼ εἰς τὸν κόσμον τοῦτον ἦλθον, ἵνα οἱ μὴ βλέποντες βλέπωσιν, καὶ οἱ βλέποντες τυφλοὶ γένωνται.*

³⁹ Đức Giê-su nói: “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử: cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại nên đui mù!”

Ga 9,40:

⁴⁰ *Καὶ ἤκουσαν ἐκ τῶν Φαρισαίων ταῦτα οἱ ὄντες μετ’ αὐτοῦ, καὶ εἶπον αὐτῷ, Μὴ καὶ ἡμεῖς τυφλοὶ ἐσμεν;*

⁴⁰ Những người Pha-ri-sêu đang ở đó với Đức Giê-su nghe vậy, liền lên tiếng: “Thế ra cả chúng tôi cũng đui mù hay sao?”

Ga 9,41:

⁴¹ *Εἶπεν αὐτοῖς ὁ Ἰησοῦς, Εἰ τυφλοὶ ἦτε, οὐκ ἂν εἶχετε ἁμαρτίαν. νῦν δὲ λέγετε ὅτι Βλέπομεν· ἢ οὐκ ἁμαρτία ὑμῶν μένει.*

⁴¹ Đức Giê-su bảo họ: “Nếu các ông đui mù, thì các ông đã chẳng có tội. Nhưng giờ đây các ông nói rằng: “Chúng tôi thấy”, nên tội các ông vẫn còn”

Đức Giê-su nói: “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử: cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại nên đui mù!” (Ga 9,39). Chúng ta nhận thấy,

⁸⁰ x. NGÔ NGỌC KHANH, *Tin Mừng theo thánh Gio-an*, tr.9.

⁸¹ x. FRANCIS MARTIN AND WILLIAM M. WRIGHT IV, *The Gospel of John*, p. 185.

động từ “thấy” ở Ga 9,39 có nguyên ngữ Hy Lạp là “βλέπω”⁸². Bên cạnh đó, động từ “thấy” ở Ga 9,37 thì có nguyên ngữ Hy Lạp là “ὁράω”⁸³. Cả hai động từ này đều có gốc từ khác nhau nhưng cùng có nghĩa là “thấy”. Tuy nhiên, động từ “thấy” (βλέπω) được dùng ở Ga 9,39 vừa có nghĩa là nhận biết sự vật bằng con mắt thể lý; đồng thời, có nghĩa là nhận biết sự vật bằng con mắt đức tin. Do đó, Đức Giê-su đã phân định người nào thấy, và người nào trở nên đui mù⁸⁴.

Nếu như trong những đoạn trước, các cuộc đối thoại giữa giới chức sắc Do Thái và anh mù được chữa lành, và với cha mẹ của anh diễn trong bối cảnh như một phiên tòa, thì trong cuộc đối thoại này, Đức Giê-su lại đứng ra để phân định: ai là người sáng mắt và ai là người mù. Anh mù từ tình trạng không nhìn thấy thể giới, kém hiểu biết về Lễ Luật lần không được chứng kiến các dấu lạ Đức Giê-su đã thực hiện trước đó, nhưng sau khi được Đức Giê-su chữa sáng mắt, anh không những đã nhìn thấy dung nhan của Đức Giê-su mà còn tin nhận Người là Con Người. Trái lại, những người Pha-ri-sêu ở trong tình trạng sáng mắt, thông thạo Lễ Luật nhưng lại cứng tin, không nhận ra những dấu lạ Đức Giê-su đã làm để tin, không chấp nhận Người là Đấng Ki-tô, nên họ trở thành những người mù lòa trong đức tin⁸⁵. Quả thế, Đức Giê-su nói: “Nếu các ông đui mù, thì các ông đã chẳng có tội. Nhưng giờ đây các ông nói rằng: “Chúng tôi thấy”, nên tội các ông vẫn còn!” (Ga 9,41). Họ thấy thể lý mà không đón nhận Đức Giê-su thì trở thành người mù thực sự, nghĩa là thuộc về bóng tối và bước đi trong bóng tối vì không có ánh sáng của sự sống là Đức Giê-su⁸⁶.

⁸² Hạn từ “βλέπω”, trong <https://biblehub.com/greek/991.htm> (13/10/2023).

⁸³ Hạn từ “ὁράω”, trong <https://biblehub.com/greek/3708.htm> (13/10/2023).

⁸⁴ x. FRANCIS MARTIN AND WILLIAM M. WRIGHT IV, *The Gospel of John*, p. 183-185.

⁸⁵ x. SANDRA M. SHNEIDERS, *Written That You May Believe*, p. 164-165.

⁸⁶ x. FRANCIS MARTIN AND WILLIAM M. WRIGHT IV, *The Gospel of John*, p. 185.

CHƯƠNG III:

Ý NGHĨA THẦN HỌC VỀ VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA ĐỨC GIÊ-SU

I. VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG TƯƠNG QUAN VỚI CÁC NGÔN SỨ KHÁC

Đức Giê-su, Đấng muôn dân đang trông đợi, Đấng mà các ngôn sứ đã tiên báo từ ngàn xưa, nay đã mặc lấy xác phàm. Người là vị ngôn sứ, nhưng hạn từ ngôn sứ không thể diễn tả trọn vẹn về Đức Giê-su, vì Người là Con Thiên Chúa.

1. Đức Giê-su so với các ngôn sứ trong Cựu Ước

Từ thuở đời đời, Đức Giê-su đã hiện hữu bên cạnh Thiên Chúa như là sự Khôn Ngoan, là Lời của Thiên Chúa; do đó, vai trò và tư cách ngôn sứ của Đức Giê-su trội vượt hơn tất cả các ngôn sứ trong Cựu Ước.

1.1. Sứ điệp

Sứ điệp trọng tâm của Đức Giê-su là rao giảng về Triều đại Thiên Chúa đã đến gần. Trong Tân Ước, cụm từ “Triều đại Thiên Chúa” xuất hiện một trăm mười hai lần, chín mươi chín lần trong Tin Mừng Nhất Lãm; và trong chín mươi chín lần đó, có chín mươi lần ghi lại lời của Đức Giê-su. Triều đại Thiên Chúa không phải là một thực thể, hay nơi chốn như các triều đại trần gian, nhưng Đức Giê-su khẳng định, Người chính là Triều đại Thiên Chúa; và trong Người, Thiên Chúa đang hiện diện giữa họ⁸⁷.

Trong quan điểm Do Thái, Triều đại Thiên Chúa là biểu tượng nói về hành động của Thiên Chúa, sự ảnh hưởng và vương quyền của Người trên dân và thế giới. Thiên Chúa sẽ cứu thoát, bảo vệ, chúc lành cho dân và chinh phạt kẻ thù của họ. Đối với người Do Thái, Triều đại Thiên Chúa là thực tại đang ở thì tương lai, vì cuộc sống hiện tại chưa đạt tới mức trọn vẹn như lời ngôn sứ đã loan báo và như họ mong đợi. Sứ điệp Triều đại Thiên Chúa của Đức Giê-su mang những nét độc đáo so với truyền

⁸⁷ x. JOSEPH RATZINGER, *Đức Giê-su thành Na-da-rét*, Tôn Giáo, Hà Nội, 2007, tr. 78-80.

thống Do Thái, không có sự hủy diệt kẻ thù, nhưng là sự tha thứ và lòng thương xót bao trùm Triều đại Thiên Chúa, được thể hiện bằng những bữa tiệc với người tội lỗi và nghèo khổ, đòi hỏi họ sám hối ngay tức khắc⁸⁸.

Đức Giê-su đã sử dụng nhiều dụ ngôn để diễn tả về Triều đại Thiên Chúa, như hạt cải, hạt nhỏ nhất trong các hạt (x. *Mc 4,30-32; Mt 13,31 -32; Lc 13,18 -19*); hoặc như nắm men, một lượng nhỏ so với cả khối bột, nhưng lại có sức mạnh để dịch chuyển cả khối bột trở thành một cái khác (x. *Mt 13,33; Lc 13: 20 -21*). Đức Giê-su còn ví Triều đại Thiên Chúa như hạt giống được gieo vào cánh đồng thế gian; nơi đó, hạt giống trải qua nhiều số phận như: bị chim trời ăn, bị chết ngạt giữa gai góc, hay cho hoa quả trĩu cành (x. *Mt 13,3-9; Mc 4,3-9; Lc 8,5-8*). Và một dụ ngôn khác kể cho chúng ta làm sao hạt giống Triều đại Thiên Chúa lớn lên, nhưng kẻ thù đến và gieo cỏ lùng vào giữa, nên đã lớn lên với hạt giống, và sự phân chia chỉ xảy ra vào thời cánh chung⁸⁹ (x. *Mt 13,24-30*).

Đức Giê-su không chỉ rao giảng về Triều đại Thiên Chúa, nhưng còn hành động để thể hiện sự hiện diện và tác động của Triều đại Thiên Chúa qua các dấu lạ. Dấu lạ Đức Giê-su đã làm, không chỉ có ý nghĩa nội tại là một hành động kỳ diệu, nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt của con người, nhưng còn hướng đến chân lý sâu xa hơn là “ngón tay Thiên Chúa” đang hoạt động và Triều đại Thiên Chúa đã đến (x. *Mt 12,22 -29; Mc 3,22 -27; Lc 11,14-22*); hầu giúp con người tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa để được cứu độ. Tuy nhiên, nét độc đáo nhất trong sứ điệp Triều đại Thiên Chúa là: ai gặp gỡ Đức Giê-su là gặp gỡ Triều đại Thiên Chúa; ai từ chối Lời Người sẽ chịu phán xét và không được dự phần Triều đại Thiên Chúa (x. *Mt 10,32-33; Lc 12,8-9*). Vì thế, Đức Giê-su đòi chúng ta phải sám hối và hoán cải ngay tức khắc để bước theo Người. Nói cách khác, chính nơi Người và qua Người, Triều đại Thiên Chúa đến trong trần gian, vì Người chính là Chúa Con⁹⁰.

⁸⁸ x. NGUYỄN HAI TÍNH, *Giáo trình Dẫn Nhập Ki-tô Học*, Tôn Giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 127-128.

⁸⁹ JOSEPH RATZINGER, *Đức Giê-su thành Na-da-rét*, Tôn Giáo, Hà Nội, 2007, tr. 90-91.

⁹⁰ x. NGUYỄN HAI TÍNH, *Giáo trình Dẫn Nhập Ki-tô Học*, Tôn Giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 126-128.

1.2. Tư cách ngôn sứ

Thứ nhất, Đức Giê-su là Đấng Ki-tô. Danh hiệu “Ki-tô” là một từ Hy Lạp, dịch từ “Messia” của tiếng Do Thái, nghĩa là “người được xức dầu”. Trong Cựu Ước, những ai được thánh hiến cho Thiên Chúa để thi hành sứ vụ Người giao phó, đều được xức dầu nhân danh Thiên Chúa⁹¹. Đó là trường hợp của các vua (x. *1 Sm 9,16; 10,1; 16,1.12-13; 1 V 1,39*), các tư tế (x. *Xh 29,7; Lv 8,12*), và đôi khi là các ngôn sứ (x. *1 V 19,16*). Bên cạnh đó, trong Tân Ước, chúng ta sẽ không bắt gặp Đức Giê-su trực tiếp tuyên xưng Người là Đấng Ki-tô, nhưng các dữ kiện của Kinh Thánh giúp chúng ta khẳng định Đức Giê-su là Đấng Ki-tô. Trước hết, trong biến cố giáng sinh, thánh Lu-ca đã tường thuật việc thiên thần báo tin cho các mục đồng: “Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành Vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô, là Đức Chúa (*Lc 2,11*). Ngoài ra, trong tường thuật về gia phả của Đức Giê-su, thánh Mát-thêu đã nhìn nhận Đức Giê-su là Đấng Ki-tô (x. *Mt 1,16*). Ngoài ra, việc xức dầu thánh hiến của Đức Giê-su được mạc khải khi Người chịu phép rửa bởi ông Gio-an, “Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xức dầu tấn phong Người” (*Cv 10,38*) để Người được tỏ ra cho dân Ít-ra-en (*Ga 1,31*) trong tư cách là Đấng Mê-si-a của Thiên Chúa. Những việc Người làm và những lời Người dạy giúp chúng ta nhận biết Người là “Đấng Thánh của Thiên Chúa” (x. *Mc 1,24; Ga 6,69; Cv 3,14*). Bên cạnh đó, nhiều người Do Thái, và cả một số người ngoại cùng chia sẻ niềm hy vọng của Ít-ra-en, đã nhận ra nơi Đức Giê-su những nét cơ bản của “Con vua Đa-vít”, Đấng Mê-si-a mà Thiên Chúa đã hứa ban cho Ít-ra-en (x. *Mt 2,2; 9,27; 12,23; 15,22; 20,30; 21,9.15*). Đức Giê-su đã gián tiếp chấp nhận danh hiệu Mê-si-a với một cách dè dặt (x. *Ga 4,25-26; 11,27*), bởi vì danh hiệu này bị một số người thời bấy giờ hiểu theo một quan niệm phàm trần (x. *Mt 22,41-46*), đặc biệt mang tính chất chính trị (x. *Ga 6,15; Lc 24,21*). Cuối cùng, khi thánh Phê-rô tuyên xưng Người là Đấng Mê-si-a (x. *Mc 8,29*), Đức Giê-su chấp nhận lời tuyên xưng đó, nhưng Người loan báo ngay cuộc khổ nạn đã gần đến của Con Người. Đức Giê-su tỏ cho thấy ý nghĩa đích thực của vương quyền Mê-si-a của Người, vừa trong căn tính siêu việt của Con Người, “Đấng

⁹¹ Sách *GLHTCG*, s. 436.

từ trời xuống” (*Ga 3,13*), vừa trong sứ vụ cứu chuộc của Người với tư cách là Người Tôi trung đau khổ: “Con Người đến, không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người” (*Mt 20,28*). Do đó, ý nghĩa đích thực của vương quyền Người chỉ được biểu lộ cách tột đỉnh trên Thập Giá⁹², và chỉ sau khi Người sống lại, thánh Phê-rô mới có thể công bố vương quyền Mê-si-a của Người trước mặt dân Thiên Chúa: “Vậy toàn thể nhà Ít-ra-en phải biết chắc điều này: Đức Giê-su mà anh em đã treo trên Thập Giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Chúa và làm Đấng Ki-tô” (*Cv 2,36*).

Kể đến, Đức Giê-su là Con Thiên Chúa. Khởi đầu Tin Mừng, thánh Mác-cô đã khẳng định: “Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa”; và khi Đức Giê-su chết trên thập giá, viên đại đội trưởng đã tuyên xưng: “Quả thật, người này là Con Thiên Chúa” (*Mc 15,39*). Bên cạnh đó, trong cuộc khổ nạn của Đức Giê-su, những kẻ tố cáo hỏi Người: “Vậy ông là Con Thiên Chúa sao?”, Đức Giê-su trả lời: “Đúng như các ông nói, chính tôi đây” (*Lc 22,70*). Hơn nữa, khi được Chúa Cha mặc khải, thánh Phê-rô đã tuyên xưng Đức Giê-su là “Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống” (x. *Mt 16,16-17*). Tương tự, khi đề cập đến cuộc hồi cải của mình trên đường đi Đa-mát, thánh Phao-lô đã nói: “Thiên Chúa đã dành riêng tôi ngay từ khi tôi còn trong lòng mẹ, và đã gọi tôi nhờ ân sủng của Người. Người đã đoái thương mặc khải Con của Người cho tôi, để tôi loan báo Tin Mừng về Con của Người cho các dân ngoại” (*Gl 1,15-16*). “Lập tức, ông bắt đầu rao giảng Đức Giê-su trong các hội đường, rằng Người là Con Thiên Chúa” (*Cv 9,20*). Sau khi Người phục sinh, các tông đồ đã mạnh dạn tuyên xưng và rao giảng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, đã sống lại từ cõi chết (x. *Cv 9,20; Rm 1,4*). Qua đó, chúng ta nhận thấy vị trí siêu việt của Đức Giê-su, Người là Con Thiên Chúa, Đấng hiện hữu từ đời đời, đồng bản thể với Chúa Cha⁹³.

2. Đức Giê-su, vị ngôn sứ vĩ đại

⁹² Sách *GLHTCG*, s. 440.

⁹³ x. NGUYỄN VĂN KHANH, *Đức Giê-su Ki-tô Ngôi Lời Nhập Thể*, tr. 146-147.

Đức Giê-su là vị ngôn sứ vĩ đại nhất trong lịch sử. Người là Con Thiên Chúa, là Đấng Mê-si-a được Chúa Cha sai đến trần gian để xua tan bóng tối, tiêu diệt và đẩy lui quyền lực của Sa-tan⁹⁴.

2.1. Đức Giê-su toàn năng trong lời nói và việc làm

Các ngôn sứ đều cầu nguyện và nhân danh Thiên Chúa để chữa lành bệnh tật, làm cho người chết sống lại, như ngôn sứ I-sai-a đã chữa lành vua Khít-ki-gia (x. 2V 20,7), ngôn sứ Ê-li-sa đã chữa lành bệnh phong cho Na-a-man (x. 2V 5,1-19), và ông làm cho con của người phụ nữ Su-nêm sống lại (x. 2V 4,8-37). Đặc biệt, sách *Công vụ Tông đồ* đã nhiều lần tường thuật các tông đồ chữa lành bệnh tật, và làm cho người chết sống lại nhờ vào việc nhân danh Đức Giê-su (x. Cv 3,1-10. 9,32-35. 9,36-42). Tuy nhiên, Đức Giê-su đã không nhân danh ai, nhưng dùng uy quyền của Thiên Chúa để chữa lành bệnh tật, làm cho người chết sống lại, và thể hiện quyền năng trên thiên nhiên và ma quỷ⁹⁵.

Trước hết, Đức Giê-su đã dùng quyền năng của Thiên Chúa để chữa lành tất cả bệnh hoạn tật nguyền của dân chúng (x. Mt 8,16-17; Mc 1,32-34; Lc 4,40-41). Người làm cho người què đi được (x. Mt 9,1-8; Mc 2,1-12; Lc 5,17-26), người điếc được nghe (x. Mc 7,31-37), người mù được thấy (x. Mt 9,17-21. 20,29-34; Mc 10, 46-52; Lc 18, 35-43), và người chết sống lại (x. Mt 9,18-26; Mc 5,21 -43; Lc 8,40 -56; Ga 11,1-44). Người không chỉ chữa những căn bệnh về thể xác, nhưng còn tha tội và giúp hoán cải nhiều tâm hồn trở về với Thiên Chúa như: người phụ nữ ngoại tình (x. Ga 8,2-11), Mát-thêu (x. Mt 9,9; Mc 2,13-14; Lc 5,27-28), Gia-kêu (x. Lc 19,1-10).

Thứ hai, Đức Giê-su thể hiện quyền năng trên thiên nhiên. Khi các môn đệ hoảng hốt vì sóng to gió lớn, đe dọa đến tính mạng, các ông liền cầu cứu Đức Giê-su. Người liền ngăm đe, lập tức biển liền lặng đi (x. Mt 8,23-27, Mc 4,35-41; Lc 8,22-25). Ngoài ra, Người còn mắng cây vả, lập tức nó chết (x. Mt 28,18-22; Mc 11,12-14). Hơn nữa, Đức Giê-su thấu hiểu ý nghĩ và tâm trạng của những khác như nhìn thấy đức tin của một số người (x. Mt 9,2; Mc 5,20; Lc 5,20), đọc được ý tưởng của

⁹⁴ x. JOHN P. BRENNAN, *Christ, The One Sent*, The Liturgical, USA, 1997, p. 53-55.

⁹⁵ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 101-102.

những thầy thông luật (x. *Mc 2,8; Lc 5,22*), thấy sự giả hình của những người thuộc phái Hê-rô-đê (x. *Mc 12, 13-17; Mt 22,18*), thấu suốt hoàn cảnh của bà góa trước hòm tiền (x. *Mc 12,43*).

Thứ ba, Đức Giê-su thể hiện quyền năng trên ma quỷ. Chúng ta nhận thấy Đức Giê-su đã nhiều lần trục xuất ma quỷ khỏi nhiều người, hầu giúp họ trở về cuộc sống thường nhật (x. *Mt 8,28-34. 9,32-34; Mc 5,1-20; Lc 8,26-39*). Bên cạnh đó, khi Đức Giê-su bị ma quỷ cảm dỗ trong bốn mươi ngày ăn chay, nhưng Người đã chiến thắng (x. *Mt 4,1-11; Mc 1,12-13; Lc 4,1-13*); và cuối cùng, Đức Giê-su đã Phục sinh và hiện ra với nhiều người (x. *Mt 28,16-20; Mc 16,14 -18; Lc 24,36 -49; Ga 20,19-23; Cv 1,6-8*) để khẳng định Người nắm quyền sinh tử, và vận mệnh của con người.

2.2. Đức Giê-su hiểu về sứ mạng của mình

Đức Giê-su là Ngôi Lời của Thiên Chúa; do đó, khi đến trần gian, Người thấu hiểu sứ mạng của mình là mặc khải chân lý của Thiên Chúa, và dẫn dắt nhân loại đến với Thiên Chúa để họ được hưởng ơn cứu độ⁹⁶. Vì thế, tất cả những lời rao giảng và việc Đức Giê-su đã thực hiện đều nhắm đến mục đích là đem ơn cứu độ cho nhân loại. Người loan báo những lời hứa, lời cảnh báo, và nhấn mạnh đến ơn cứu độ (x. *Mt 13,16; Mc 10,24; Lc 6,20-26*). Người tố cáo tội lỗi của những nhà thông luật, ký lục, và các biệt phái (x. *Mt 15,7; Mt 23; Lc 11,52*). Người quở trách sự giả tạo của một số con cái Áp-ra-ham (x. *Ga 8,31-59*). Người loan báo sự trừng phạt sẽ đến với Giê-ru-sa-lem và sự quang lâm của Con Người (x. *Mt 24*). Hơn hết, Người biết chương trình cứu thế của mình. Do đó, Người đã nhiều lần tiên báo về cuộc khổ nạn và phục sinh của Người (x. *Mc 8,31; 9,31; 10,32-34; Mt 16, 21 -23; 17, 22 -23; 20,17 -19; Lc 9,22; 9,43b-45; 18,31 -34*). Bên cạnh đó, Người còn tiên báo nhiều chi tiết như dấu hiệu của ngôn sứ Giô-na (x. *Mt 12,40*), việc đền thờ thân thể Người bị phá hủy (x. *Ga 2,19*), việc ra đi của Tân lang (x. *Mc 2,20*), chén đắng và phép rửa (x. *Mc 10,39; Mt 20,22; Lc 15,50*), Người Con và những tá điền sát nhân (x. *Mc 12,1-11; Mt 21,33-46; Lc 20, 9-19*). Ngoài ra, Người tiên báo việc Giu-đa phản bội (x. *Mc 14,17-*

⁹⁶ x. JOHN P. BRENNAN, *Christ, The One Sent*, p. 42-43.

21; Mt 26,20-25; Lc 22,21-23; Ga 13,21-30) và việc Phê-rô chối Người ba lần⁹⁷ (x. Mc 14,26-31; Mt 26,30-35; Lc 22, 31-34; Ga 13,36-38).

II. VAI TRÒ NGÔN SỨ CỦA NGƯỜI THÁNH HIẾN TRONG THỜI ĐẠI HÔM NAY

Sau cuộc khủng hoảng do Covid 19 gây ra thì nhân loại phải đối diện với những thách thức mới như chiến tranh, ô nhiễm môi trường, trí tuệ nhân tạo. Đầu tiên, ngày 24 tháng 02 năm 2022, Nga đã bắt đầu cuộc tấn công quân sự vào Uk-rai-na; đến nay, cuộc giao tranh này vẫn còn tiếp diễn và phức tạp hơn. Kế đến, ngày 07 tháng 10 năm 2023, nhóm vũ trang Ha-mas bất ngờ tấn công Ít-ra-en, khiến hơn một ngàn bốn trăm người thiệt mạng chầm ngòi cho cuộc chiến trực diện giữa Ít-ra-en và Ha-mas. Ngoài ra, khủng hoảng môi trường đang đe dọa đến sự sống của con người, và người nghèo tiếp tục là nạn nhân của mọi bất công; trong khi đó, con người vẫn chưa có dấu hiệu tôn trọng ngôi nhà chung là Mẹ Đất. Bên cạnh đó, trí tuệ nhân tạo ra đời góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống con người, nhưng đẩy nhiều người rơi vào thất nghiệp, đe dọa tính luân lý của con người.

Thế giới đang đối diện với nhiều bất ổn và nhiều nhurong. Con người chạy theo những giá trị ngắn ngủi, tầm thường, gạt bỏ Thiên Chúa và đề cao bản thân⁹⁸. Do đó, những người thánh hiến vốn quy chiếu cuộc đời vào Thiên Chúa sẽ nói gì cho con người thời đại hôm nay trong vai trò ngôn sứ của mình.

1. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc tuân giữ ba lời khuyên Phúc âm

Việc tuyên khấn ba lời khuyên Phúc Âm: nghèo khó, vâng phục và khiết tịnh, người sống đời thánh hiến đã lội ngược dòng, đã gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh con người thời đại hôm nay hãy trở về và quy phục Thiên Chúa.

1.1. Vâng phục

⁹⁷ x. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, tr. 102-103.

⁹⁸ x. STEPHEN S. ILARDI, *Phương pháp điều trị trầm cảm*, dịch giả Trịnh Dung, Hà Nội, Hà Nội, tr. 212-214.

Vâng phục có nguyên ngữ La-tinh là *Oboedire* (lắng nghe). Vâng phục ám chỉ đến việc lắng nghe tiếng nói và chạm đến sự sống của Thần Khí với tất cả sự tự do. Vâng phục là trung thành với lòng mình, lắng nghe các chỉ thị của bề trên hợp pháp, quan tâm đến nhu cầu của cộng đoàn, lắng nghe tiếng kêu của người nghèo và lời mời gọi của Giáo hội, và cuối cùng là lắng nghe những mệnh lệnh của Tin Mừng⁹⁹.

Từ khởi thủy, con người đã đoạn tuyệt với Thiên Chúa, vì họ muốn làm chủ cuộc đời (x. *St 1 – 11*). Hai con người đầu tiên, A-đam và E-và đã sa ngã vì muốn trở nên giống Thiên Chúa. Đó là hành động trái nghịch với đức vâng phục. Tiếp theo, là câu chuyện bất tuân của Dân được Tuyển Chọn, họ bất tín với giao ước đã ký kết với Thiên Chúa, chạy theo các thần ngoại bang, và liên minh với dân ngoại. Kế đến, khi đến thời viên mãn, Đức Giê-su đến và sống cuộc đời vâng phục, nhờ đó, chúng ta hiểu được giá trị của đức vâng phục. Người truyền dạy thông điệp Thiên Chúa là Cha, luôn yêu thương và chăm sóc con người.

Tuy nhiên trong thời đại ngày nay, con người nhân danh tự do để tiếp tục gạt Thiên Chúa ra khỏi cuộc đời, gạt qua tiếng gào thét của lương tâm, để châm ngòi cho chiến tranh như giữa Nga và Uk-rai-na, Ít-ra-en và Ha-mas. Bên cạnh đó, con người “lấy quyền” Thiên Chúa để tước đi sự sống của thai nhi. Họ có thể nhân danh tự do để xem thai nhi là một chương ngại vật cần phải loại bỏ. Theo thống kê, tỷ lệ phá thai năm 2022 thì Việt Nam có khoảng hai trăm ngàn ca, và thế giới khoảng bảy mươi ba triệu ca¹⁰⁰. Vì thế, tính ngôn sứ trong lời khẩn vâng phục của người tu sĩ là tiếng thét gào để nhân loại thức tỉnh, cùng nhau trở về và quy phục thánh ý Thiên Chúa, quy phục sự thiện và chân lý, dù phải thua thiệt hay đe dọa đến tính mạng¹⁰¹, vì con người chỉ thật sự tự do khi tuân phục Thiên Chúa¹⁰².

⁹⁹ x. *Sách GLHTCG*, s. 144.

¹⁰⁰ HIỀN MINH, *Lý do mang thai ngoài ý muốn chiếm phần lớn trong ca phá thai (10/1/2024)*, trong <https://baochinhphu.vn/ly-do-mang-thai-ngoai-y-muon-chiem-phan-lon-trong-so-ca-pha-thai-102230911152154825.htm>.

¹⁰¹ x. FELIX PODIMATTAM, *Vâng Phục đời sống Thánh hiến*, dịch giả Nguyễn Ngọc Kính, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020, tr. 184-189.

¹⁰² x. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, tông huấn *Vita consecrata* (25/07/1968), s. 91, trong <https://vntaiwan.catholic.org.tw/14news/thanhchien.htm>.

1.2. Nghèo khó

Ngày nay, con người đang thu hẹp tương quan, khép mình trước Thiên Chúa và quy chiếu tất cả về lợi ích bản thân. Ngoài ra, họ dành nhiều thời gian làm việc hơn bao giờ hết và kiếm tiền nhiều hơn bất kỳ thế hệ nào trong lịch sử. Họ sống như thể những thành tựu, thăng tiến, tiền bạc, của cải vật chất, và địa vị là điều cốt yếu. Thật không may, những điều này không đem lại cho con người hạnh phúc bền lâu; thế nhưng, con người đang mệt mỏi để theo đuổi chúng¹⁰³.

Trong bối cảnh đó, lời khẩn nghèo khó của tu sĩ mang thông điệp gì cho con người ngày nay? Trước hết, lời khẩn nghèo khó xác tín rằng Thiên Chúa là cùng đích và cứu cánh của con người. Kế đến, lời khẩn nghèo khó phản đối việc tôn thờ tiền tài, nhằm đòi buộc chúng ta phải tôn trọng và bảo vệ công trình tạo dựng bằng cách giảm bớt tiêu thụ, sống thanh đạm và tiết chế. Bên cạnh đó, lời khẩn nghèo khó giúp người tu sĩ dẫn thân để phát huy tình liên đới và bác ái. Người thánh hiến dẫn thân đấu tranh chống lại nạn đói, tham gia các công tác thiện nguyện và những tổ chức nhân đạo. Họ là những tác nhân hữu hiệu của đức ái, góp phần xây dựng thế giới trở nên nhân đạo hơn¹⁰⁴. Do đó, lời khẩn nghèo khó của các người thánh hiến là tiếng gọi mang tính ngôn sứ để nhân loại hoán cải và từ bỏ lòng ham mê của cải, hầu kiến tạo xã hội dựa trên nền tảng yêu thương và công bằng, bác ái và huynh đệ; hơn hết, là thờ phượng Thiên Chúa với trọn tâm trí của mình¹⁰⁵.

1.3. Khiết tịnh

Trong bối cảnh hiện nay, đề tài tính dục thường được bàn luận và phổ biến cách công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội, len lỏi vào mọi lãnh vực của cuộc sống con người, gây ô nhiễm não trạng chung, đặc biệt trong lãnh vực giáo

¹⁰³ x. STEPHEN S. ILARDI, *Phương pháp điều trị trầm cảm*, tr. 212-214.

¹⁰⁴ x. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, tông huấn *Vita consecrata* (25/07/1968), s. 90, trong <https://vntaiwan.catholic.org.tw/14news/thanhchien.htm>.

¹⁰⁵ x. FELIX PODIMATTAM, *Nghèo Khó đời sống Thánh hiến*, dịch giả Nguyễn Ngọc Kính, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020, tr. 305-307.

dục¹⁰⁶. Tiêu cực hơn, tính dục như một món hàng tuân theo quy luật “cung và cầu” của thị trường, và nhiều người cố vũ cho một chủ nghĩa khoái lạc phóng túng.

Trước bối cảnh đó, lời khấn khiết tịnh của người tu sĩ là một chứng tá mang tính ngôn sứ cho thế giới. Trước tiên, người thánh hiến sống sung mãn trong đời sống khiết tịnh, là dấu chỉ của quyền năng Thiên Chúa trong sự mỏng dòn của thân phận con người. Người thánh hiến đặt Thiên Chúa làm trung tâm, vượt trên tất cả các tương quan nhân loại. Hơn nữa, lời khấn khiết tịnh giải phóng người tu sĩ khỏi mọi dính bén và ràng buộc trần thế, để tự do phục vụ tha nhân cách vô vị lợi. Mặt khác, động cơ của việc khấn giữ khiết tịnh là vì Nước Trời. Họ được Thiên Chúa mời gọi bước vào đời sống thánh hiến, như một dấu chỉ của đời sống mai sau, vì trong Nước Trời không còn chuyện dựng vợ gả chồng (x. *Lc 20,34-36*). Như vậy, đức khiết tịnh và độc thân cho thấy chiều kích cánh chung; nhờ đó, đời sống thánh hiến như là thông điệp gửi cho con người thời đại hôm nay, về những gương sáng của những người nam và người nữ sống đức khiết tịnh mà vẫn quân bình, làm chủ được chính mình, trưởng thành tâm linh và tình cảm để dẫn thân phụng sự Thiên Chúa và tha nhân¹⁰⁷.

2. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc cử hành Bí tích Chữa lành

Đức Giê-su, vị lương y chữa lành linh hồn và thân xác chúng ta. Đấng đã giúp anh mù nhìn thấy, và có quyền xét xử thế gian (x. *Ga 9,1-41*), đã muốn cho Giáo hội của Người, bằng sức mạnh của Chúa Thánh Thần, tiếp tục công cuộc chữa lành và ban ơn cứu độ cho nhân loại.

2.1. Bí tích Hòa Giải

¹⁰⁶ x. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, tuyên ngôn *Persona Humana* (19/10/1975), s. 1, trong <https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2011/01/22/tuyen-ngon-persona-humana/>.

¹⁰⁷ x. FELIX PODIMATTAM, *Khiết Tịnh đời sống Thánh hiến*, dịch giả Nguyễn Ngọc Kính, Tôn Giáo, Hà Nội, 2016, tr. 74-81.

Những người thánh hiến cộng tác với Giám mục để cử hành Bí tích Hòa Giải, họ thực thi sứ mệnh đem ơn cứu độ cho nhân loại qua việc nhân danh Đức Giê-su để ban ơn tha tội cho hối nhân nhờ vào thừa tác vụ linh mục¹⁰⁸.

Tính ngôn sứ của Bí tích Hòa Giải là sự phục hồi mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa, bằng cách loại bỏ tội lỗi và tái lập sự liên kết giữa con người với Thiên Chúa. Bí tích Hòa Giải không chỉ là quá trình xin tha thứ, mà còn là một trải nghiệm thiêng liêng nhằm hướng dẫn và hỗ trợ con người trong việc trở về với Thiên Chúa, giúp cho hối nhân cảm nhận được tình yêu, lòng thương xót của Thiên Chúa là Cha đối với những người con biết quay trở về. Hối nhân đến tòa giải tội không đơn giản là xưng thú tội lỗi của mình với vị mục tử, nhưng là việc đến với Thiên Chúa để nhận lãnh ân sủng, sự tái sinh, và ơn cứu độ; do đó, vị mục tử vừa là thẩm phán, vừa là vị lương y mang nơi mình dung mạo lòng thương xót của Thiên Chúa, để có thể giúp hối nhân thức tỉnh, làm mới bản thân và trở về với Thiên Chúa¹⁰⁹.

2.2. Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân

Thừa tác viên của Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân là tu tế¹¹⁰. Do đó, những người thánh hiến mang nơi mình chức vụ tu tế đã góp phần rất nhiều để đem Bí tích này đến cho những người đau yếu và bệnh tật. Họ giúp cho người khác nhận ra những người Ki-tô hữu không chối bỏ, hoặc oán trách Thiên Chúa trong lúc khổ đau, nhưng phó thác tất cả vào tình yêu và sự quan phòng của Thiên Chúa; đặc biệt, họ dâng nỗi khổ đau và bệnh tật của mình cho Thiên Chúa, và kết hợp những đau đớn bệnh tật của mình với cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô. Quả thật, ngang qua Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, các tu tế và bệnh nhân chứng tỏ niềm tin của mình vào Đức Ki-tô, vì Người đã mang vào thân thể tất cả gánh nặng của sự dữ, và Người đã xóa tội trần gian (x. *Ga 1,29*). Bằng cuộc khổ nạn và cái chết trên thập giá, Đức Ki-tô đem lại cho đau khổ một ý nghĩa mới, từ nay, đau khổ có thể làm cho chúng ta nên đồng hình đồng dạng

¹⁰⁸ x. *Sách GLHTCG*, s. 1441.

¹⁰⁹ x. PHILIPPE BÉGVERIE & CLAUDE DUCHESNEAU, *Để Bí tích nên Nguồn sống*, dịch giả Đinh Huỳnh Hoa, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2018, tr. 323-331.

¹¹⁰ x. *Sách GLHTCG*, s. 1495.

với Người và kết hợp chúng ta vào cuộc khổ nạn sinh ơn cứu chuộc của Người¹¹¹. Vì thế, các tư tế của Thiên Chúa luôn trong tư thế sẵn sàng, và nhanh chóng để ban Bí tích Xức dầu mỗi khi được mời gọi. Đặc biệt, cha My-chal Jud-ge, tu sĩ dòng Phan-xi-cô đã hy sinh cả tính mạng của mình trong lúc ban Bí tích cho các nạn nhân tại tòa tháp đôi của Mỹ vào ngày 11 tháng 09 năm 2001¹¹². Cái chết của cha My-chal Jud-ge là lời khẳng định mạnh mẽ cho thế giới biết rằng, con người cần đến ơn cứu độ ngang qua các Bí tích của Giáo hội Công giáo mà Đức Giê-su đã thiết lập, qua công cụ trung gian của Thiên Chúa là các tư tế của Người.

3. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc bệnh vực người yếu thế

Khi anh mù bị trục xuất khỏi hội đường bởi những người Do Thái, khiến anh thêm một lần nữa “lạc lối” trong chính tôn giáo của mình; nhưng khi gặp lại anh, Đức Giê-su đã đón nhận anh (x. *Ga 9,35-38*), giúp anh tin vào Người để được hưởng ơn cứu độ. Theo gương Đức Giê-su, người thánh hiến phải làm cho khuôn mặt của người yếu thế sáng hơn, hầu phản chiếu hình ảnh của Thiên Chúa đang hiện diện trong họ, hầu giúp tha nhân nhận ra phẩm giá con người là quà tặng nhưng không, bất khả xâm phạm, mà Thiên Chúa ban tặng cho tất cả chúng ta.

Năm 2019, nhân loại đang bị đe dọa vì đại dịch Covid-19, khoảng mười lăm triệu người đã chết trong hai năm đầu kể từ khi đại dịch bùng phát tại Trung Quốc¹¹³. Trong khoảng thời gian đó, mạng sống con người được đặt lên bàn cân để đối diện với ranh giới mỏng manh giữa sống và chết. Tại Việt Nam, chính sách phong tỏa được thiết lập, khiến cho tâm lý sợ hãi trở nên tồi tệ hơn; trong cảnh khốn cùng đó, hơn năm trăm tu sĩ tại Tổng Giáo phận Sài Gòn không thu mình trong sự an toàn của bốn bức tường tu viện, nhưng họ đã tự nguyện ghi danh vào tuyến đầu chống

¹¹¹ x. *Sách GLHTCG*, s. 1505.

¹¹² x. JOHN BURGER, *The Priest of 9/11* (15/01/2024), in <https://aleteia.org/2021/09/10/the-priests-of-9-11/>.

¹¹³ x. DAVID ADAM, *15 million people have died in the pandemic* (11/01/2024), *Who says*, in <https://www.nature.com/articles/d41586-022-01245-6>.

dịch, để chăm sóc bệnh nhân nhiễm Covid-19¹¹⁴, tạo sự an tâm cho bệnh nhân và tha nhân. Qua đó, người thánh hiến đã tỏa chiếu ánh sáng của Đức Giê-su để sưởi ấm những người yếu thế và bệnh tật, giúp người khác nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa nơi những người tận hiến cho Thiên Chúa.

4. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc đem ánh sáng Tin Mừng đến cho muôn dân

Đức Giê-su là ánh sáng thế gian. Người không những đã đem ánh sáng thể lý cho anh mù, nhưng còn đem ánh sáng tâm linh để giúp anh nhận ra và tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, Đấng đến từ Thiên Chúa (x. *Ga 9,1-41*). Vì thế, người thánh hiến noi gương Đức Giê-su, đem ánh sáng Tin Mừng đến cho muôn dân, hầu giúp họ tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, để được hưởng ơn cứu độ.

Người thánh hiến tiếp nối sứ mạng của Đức Giê-su ngang qua việc bước theo Người một cách sát hơn, và trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Ki-tô¹¹⁵. Quả thật, đời sống thánh hiến là một hồng ân nhưng không của Thiên Chúa ban tặng cho Giáo hội, nhằm diễn tả cho thế giới nhận thấy Thiên Chúa đang hiện diện đầy quyền năng và trỗi vượt của Nước Trời trên mọi vinh quang trần thế¹¹⁶. Bằng sự thánh hiến cách trọn vẹn, đời sống tu trì biểu lộ trong Giáo hội hôn ước kỳ diệu được Thiên Chúa thiết lập như dấu chỉ của thế giới mai sau; nhờ đó, người thánh hiến có nhiệm vụ đặc biệt đóng góp vào việc Phúc Âm hoá, trước hết bằng chứng tá một cuộc đời hoàn toàn sống cho Thiên Chúa và cho tha nhân, bằng cách bắt chước Chúa là Đấng vì yêu thương con người đã muốn hạ mình làm kẻ nô lệ¹¹⁷. Người thánh hiến trở thành những chứng nhân và hình ảnh sống động của Thiên Chúa hầu giúp người khác nhận ra tình yêu và ơn cứu độ mà Thiên Chúa ban tặng cho nhân loại.

¹¹⁴ x. QUỲNH TRANG, *Hàng trăm tu sĩ Công giáo tham gia tuyến đầu chống dịch* (11/01/2024), trong <https://plo.vn/hang-tram-tu-si-cong-giao-tham-gia-tuyen-dau-chong-dich-post638567.html>.

¹¹⁵ x. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, tông huấn *Vita consecrata* (25/07/1968), s. 72, trong <https://vntaiwan.catholic.org.tw/14news/thanhchien.htm>.

¹¹⁶ x. CÔNG ĐỒNG CHUNG VA-TI-CA-NÔ II, hiến chế *Lumen gentium* (21/11/1964), s. 44, trong *Công Đồng Va-ti-ca-nô II*, Phân Khoa Thần Học Giáo Hoàng Học Viện Thánh Pi-o X, Đà Lạt, 1972.

¹¹⁷ x. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, tông huấn *Vita consecrata* (25/07/1968), s. 76, trong <https://vntaiwan.catholic.org.tw/14news/thanhchien.htm>.

5. Vai trò ngôn sứ của người thánh hiến trong việc bảo vệ công lý, hòa bình và toàn vẹn tạo thành

Thế giới đang phải đối diện với cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraina, Ít-ra-en và Ha-mas, những cuộc chiến này chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, nhưng đang lan rộng đến các nước xung quanh, đe dọa đến hòa bình thế giới. Ngoài ra, các cường quốc đang dồn sức để chạy đua vũ trang, nhiều vũ khí tối tân như tên lửa siêu thanh, bom thông minh, vũ khí hạt nhân,... tất cả đều dùng để hủy diệt sự sống con người và thiên nhiên. Trong khi đó, hơn bảy trăm tám mươi triệu người trên khắp thế giới đang trong tình trạng thiếu lương thực, và khoảng bốn trăm sáu mươi hai triệu người trên thế giới đang bị suy dinh dưỡng¹¹⁸. Bên cạnh đó, trái đất – Mẹ của chúng ta, đang bị ngược đãi và lạm dụng, đang quần quai rên siết; và những tiếng than rên siết của trái đất, đang vỗ cùng nhịp đập với những người nghèo khổ bị bỏ rơi và loại trừ. Đức Thánh Cha Phan-xi-cô mời gọi chúng ta lắng nghe những tiếng than khóc bi thảm này, thúc đẩy mỗi người thực hiện một cuộc “hoán cải môi sinh” bằng cách đảm nhận trách nhiệm “chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta”. Nhờ đó, chúng ta nhận biết giá trị đích thực cuộc sống của mình trên hành tinh này và để lại cho các thế hệ con em tương lai, một trái đất với đời sống ý nghĩa hơn¹¹⁹.

Do đó, người Ki-tô hữu mang nơi mình sứ vụ ngôn sứ, để nói cho nhân loại biết chân lý và sự thật, và bênh vực công lý, hòa bình và bảo vệ môi sinh; tuy nhiên, tiếng gào thét ấy được thể hiện cách rõ nét hơn trong đời sống thánh hiến. Trong *Đường hướng Huấn luyện Phan sinh*, Dòng Anh Em Hèn Mọn phải ưu tiên để huấn luyện những tu sĩ nhạy bén với mọi hình thức bất công và những cơ cấu phi nhân trong thế giới, và hoạt động để loại trừ chúng; họ minh nhiên chọn lựa và bênh vực người nghèo, trở thành tiếng nói cho những người không có tiếng nói, trở thành khí cụ của công lý và hòa bình, và trở nên men của Đức Ki-tô trong thế giới¹²⁰. Do

¹¹⁸ x. LAN PHƯƠNG, *Nguy cơ xảy ra khủng hoảng lương thực toàn cầu: Nguyên nhân do đâu?* (12/01/2024), trong <https://www.vietnamplus.vn/nguy-co-xay-ra-khung-hoang-luong-thuc-toan-cau-nguyen-nhan-do-dau-post887054.vnp>.

¹¹⁹ x. ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAN-XI-CÔ, thông điệp *Laudatosi* (24-5-2015), dịch giả Nguyễn Văn Trinh, Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, s. 2-8.

¹²⁰ *Đường hướng huấn luyện Phan sinh*, s. 27.

đó, người thánh hiến phải tiên phong và là gương sáng trong việc đón tiếp mọi người cách thân thiện không loại trừ ai, và yêu thương tất cả những người nam, người nữ, nhất là những người nghèo và hèn kém. Ngoài ra, họ phải khước từ bạo lực, hoạt động cho công lý và hòa bình và tôn trọng thiên nhiên.

KẾT LUẬN TỔNG QUÁT

Để tìm hiểu *Vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su trong Ga 9*, chúng ta đã khai triển trong ba chương. Đầu tiên, chúng ta tìm hiểu đặc tính ngôn sứ Thánh Kinh, ngang qua việc tìm hiểu danh xưng ngôn sứ và vai trò ngôn sứ trong thời Cựu Ước. Kế đến, chúng ta tìm hiểu vai trò ngôn sứ của Đức Giê-su trong Ga 9. Đây là phần trọng tâm của bài nghiên cứu. Cuối cùng, chúng ta khẳng định Đức Giê-su là vị ngôn sứ vĩ đại, vì Người là Con Thiên Chúa, là Đấng Ki-tô.

Đầu tiên, chúng ta nhận thấy ngôn sứ là những người được Thiên Chúa tuyển chọn và sai đi để truyền thông sứ điệp cho con người nhân danh Thiên Chúa; đồng thời, là người đại diện dân để thỉnh ý Thiên Chúa và chuyển cầu những ước nguyện của con người lên Thiên Chúa. Ngôn sứ có nhiều danh xưng khác nhau như: người của Thiên Chúa, thiên sứ hay sứ giả, tôi tớ Đức Chúa, người chăn dắt và trông nom, người canh gác, cha và mẹ. Từ những danh xưng này, chúng ta nhận thấy ngôn sứ có nhiều vai trò khác nhau. Nếu xét ngôn sứ trong tương quan với Thiên Chúa thì ngôn sứ có những vai trò như trung gian giữa Thiên Chúa và dân chúng, nói Lời của Thiên Chúa, giải thích kế hoạch và ý định của Thiên Chúa cho dân chúng; kế đến, nếu xét ngôn sứ trong tương quan với dân chúng thì ngôn sứ có những vai trò như: cầu nguyện và chuyển cầu cho dân chúng, chữa lành bệnh tật cho dân chúng, dẫn thân cho công bằng xã hội và ưu tiên bên vực người nghèo.

Các ngôn sứ trong Cựu Ước đã thể hiện vai trò trung gian giữa Thiên Chúa và con người. Cách cụ thể hơn, ngôn sứ I-sai-a đã chữa lành vua Khít-ki-gia khi ông đang đứng trước ngưỡng cửa của tử thần (x. 2V 20,7). Ngôn sứ Ê-li-a đã làm cho con của bà góa thành Xa-rép-ta sống lại, và giúp hai mẹ con bà vượt qua nạn đói (x. 1V 17,7-24). Bên cạnh đó, ngôn sứ A-mốt đã chống lại những bất công xã hội như lên án cảnh bóc lột những người cùng quần (x. Am 4,1), việc nhận quà hối lộ và ức hiếp người nghèo tại tòa án (x. Am 5,12) hầu kiến tạo công bằng xã hội. Sứ điệp của các ngôn sứ không chỉ là một bản cáo trạng, nhưng còn là lời kêu gọi hoán cải và lời thách

thức những người giàu có, vì các ngôn sứ là những người trung thành trong việc bảo vệ những người nghèo và những người bên lề xã hội.

Trong chương II, chúng ta nhận thấy việc Đức Giê-su chữa lành anh mù, giúp anh nhìn thấy được là nguyên nhân dẫn đến những cuộc tranh luận để xác định căn tính của Đức Giê-su. Tuy nhiên, thái độ cứng lòng tin của những người Pha-ri-sêu và người Do Thái khiến họ khước từ thần tính (x. *Ga 9,16.22*) và kết án Đức Giê-su là người tội lỗi (x. *Ga 9,24*). Do đó, họ trở thành những người mù lòa trong đức tin. Họ khẳng định biết về Đức Giê-su, nhưng thực ra họ không biết; ngược lại với thái độ cố chấp của người Pha-ri-sêu và người Do Thái, anh mù chuyển từ bóng đêm của thế giới mù lòa đến ánh sáng đức tin. Anh nhận ra Đức Giê-su là một ngôn sứ (x. *Ga 9,17*), khẳng định Người đến từ Thiên Chúa (x. *Ga 9,33*), và cuối cùng, anh đã phủ phục dưới chân Đức Giê-su, hầu phó thác trọn vẹn cuộc đời vào Đức Giê-su (x. *Ga 9,38*).

Như các ngôn sứ trong Cựu Ước, Đức Giê-su đã thể hiện vai trò ngôn sứ của Người trong *Ga 9*. Trước hết, Đức Giê-su đã chữa lành anh mù bẩm sinh (x. *Ga 9,6-7*), giúp anh nhìn thấy và trở về với cuộc sống thường nhật như những người khác. Kế đến, Đức Giê-su đã bênh vực người yếu thế, cụ thể là anh mù. Khi anh bị chửi rủa bởi những người Pha-ri-sêu và Do Thái; đặc biệt, khi anh bị những người chức trách Do Thái trục xuất khỏi Hội đường, thì Đức Giê-su đã xuất hiện để đón nhận anh (x. *Ga 9,35-38*). Thứ ba, Đức Giê-su là ánh sáng thế gian (x. *Ga 9,5*), hầu soi sáng và dẫn dắt con người nhận ra và tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, để được hưởng ơn cứu độ. Người mang ánh sáng thể lý đến cho anh mù, và mang ánh sáng tâm linh đến cho thế giới. Do đó, những ai mù thể lý mà tin vào Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, thì có sự sống đời đời và không bước đi trong bóng tối (x. *Ga 8,12*). Ngược lại, những ai nhìn thấy mà không đón nhận và tin Đức Giê-su là Con Thiên Chúa thì trở nên mù lòa, nghĩa là thuộc về bóng tối và bước đi trong bóng tối. Cuối cùng, Đức Giê-su xét xử thế gian, hầu giúp cho người không xem thấy được thấy, và người xem thấy lại trở nên đui mù (x. *Ga 9,39-41*). Đây là kết quả của những người Pha-ri-sêu và Do Thái, mắt họ sáng nhưng không đón nhận và tin vào Đức Giê-su thì trở thành những người mù, nghĩa là thuộc về bóng tối và bước đi trong bóng tối vì

không có ánh sáng của sự sống là Đức Giê-su; do đó, họ đang sống trong tình trạng tội lỗi.

Trong chương III, chúng ta khẳng định Đức Giê-su là ngôn sứ, nhưng Người là ngôn sứ vĩ đại. Người không phải là ngôn sứ được tuyển chọn giữa những người phạm, nhưng Đức Giê-su là vị ngôn sứ đến từ Thiên Chúa, là Đấng Ki-tô, và là Con Thiên Chúa. Do đó, Đức Giê-su hiểu về sứ mạng của mình là loan báo về Triều đại Thiên Chúa, hầu giúp nhân loại được hưởng ơn cứu độ. Nhờ Đức Giê-su, và qua Đức Giê-su mà Triều đại Thiên Chúa đến trong trần gian, nên bất cứ ai thấy Đức Giê-su là thấy Triều đại Thiên Chúa; và ai từ chối Lời Người sẽ chịu phán xét và không được dự phần Triều đại Thiên Chúa (x. *Mt 10,32-33; Lc 12,8-9*). Vì thế, Đức Giê-su đòi buộc chúng ta phải sám hối và hoán cải ngay tức khắc để bước theo Người. Trong quá trình loan báo về Triều đại Thiên Chúa, Đức Giê-su đã làm nhiều dấu lạ, dùng uy quyền của Thiên Chúa để chữa lành bệnh tật, làm cho người chết sống lại, thể hiện quyền năng trên thiên nhiên và ma quỷ hầu giúp nhân loại tin Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, Đấng phải đến thế gian hầu được hưởng ơn cứu độ.

Cuối cùng, trong bối cảnh hiện nay, thế giới đang đối diện với nhiều bất ổn và nhiễu nhương, thì người thánh hiến trở thành dấu chỉ cho thời đại. Họ trở thành chứng nhân sống động về một tình yêu tận hiến nhưng không cho Thiên Chúa và tha nhân. Đời sống thánh hiến trở thành chứng tá ngôn sứ để cảnh tỉnh nhân loại trước những hiểm họa do chính mình tạo ra; đồng thời, giúp nhân loại sống hoán cải để trở về với Thiên Chúa, ngang qua việc yêu thương tha nhân, và bảo vệ công lý hòa bình, và toàn thể tạo thành.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Tài liệu nguồn

1. *Bộ Giáo Luật 1983*, bản dịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, 2006.
2. CÔNG ĐỒNG VA-TI-CA-NÔ II, bản dịch của Phân khoa thần học Giáo Hoàng học viện thánh Piô X, 1972.
3. FRANCIS MARTIN AND WILLIAM M. WRIGHT IV, *The Gospel of John*, Baker Academic, USA, 2014.
4. GAIL R. O'DAY AND SUSAN E. HYLEN, *John*, Westminster John Knox Press Louisville, USA, 1989.
5. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*, dịch giả Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Tôn giáo, Hà Nội, 2017.
6. *Kinh Thánh*, dịch giả Nguyễn Thế Thuần, 1967.
7. RAYMON E. BROWN, *The Gospel according to John (I-XII)*, Doubleday & Company, New York, 1966.
8. RAYMOND E. BROWN, JOSHEP A. FITZMYER, ROLAND E. MURPHY, *The New Jerome Biblical Commentary*, Prentice Hall, U.S.A, 1988.
9. RAYMOND E. BROWN, *The Gospel and Epistles of John*, The Liturgical, New York City, 1988.
10. *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, bản dịch của Ủy Ban Giáo lý Đức Tin thuộc HĐGMVN, Tôn Giáo, Hà Nội, 2011.

2. Tài liệu nghiên cứu

1. ABRAHAM J. HESCHEL, *The Prophets*, First Perennial Classics, New York, 2011.
2. ANTHONY J. KELLY AND FRANCIS J. MOLONEY, *Experiencing God in the Gospel of John*, Paulist, New York, 2003.
3. APRAHAM J. HESCHEL, *The Prophets*, Harper & Row, New York, 1962.

4. D. MOODY SMITH, *The Theology of the Gospel of John, Thần học về Tin Mừng Gio-an*, dịch giả Nguyễn Đức Thông, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020.
5. *Dictionary of New Testament Background*, Editor Craig A. Vans, Stanley E. Porter, Intervarsity, USA.
6. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, thông điệp *Redemptoris Mater* (25-03-1987).
7. ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAN-XI-CÔ, thông điệp *Fratelli Tutti* (3-10-2020), dịch giả Nguyễn Đức Thông, Tôn Giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2020.
8. ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAN-XI-CÔ, thông điệp *Laudatosi* (24-5-2015), dịch giả Nguyễn Văn Trinh, Tôn Giáo, Hà Nội, 2015.
9. ÉLOI LECLERC, *Le Maitre Du Désir, Thầy dạy Khát khao đọc Tin Mừng theo Thánh Gio-an*, Chuyên ngữ Minh Anh, Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2011.
10. FELIX PODIMATTAM, *Khiết Tịnh đời sống Thánh hiến*, dịch giả Nguyễn Ngọc Kính, Tôn Giáo, Hà Nội, 2016.
11. FELIX PODIMATTAM, *Nghèo Khó đời sống Thánh hiến*, dịch giả Nguyễn Ngọc Kính, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020.
12. FELIX PODIMATTAM, *Vâng Phục đời sống Thánh hiến*, dịch giả Nguyễn Ngọc Kính, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020.
13. GILLES EMERY, *Chúa Ba Ngôi - Dẫn nhập Thần học vào học thuyết Công giáo về Chúa Ba Ngôi*, chuyên ngữ Nguyễn Đình Giáo, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020.
14. GILLES EMERY, *Dẫn nhập Thần học vào học thuyết công giáo về Chúa Ba Ngôi*, dịch giả Nguyễn Đình Giáo, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020.
15. GONZALO LOBO MÉNDEZ, *Dio Uno E Trino, Thiên Chúa Duy Nhất và Ba Ngôi*, dịch giả Vũ Ngọc Tứ, Tôn Giáo, Hà Nội, 2021.

16. HOÀNG ĐẮC ÁNH, *Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô theo thánh Gio-an*, Mai Khôi, 2004.
17. HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM, *Từ điển Công Giáo*, Tôn Giáo, Hà Nội, 2016.
18. JOHN MARK FALKENHAIN, *Ơn gọi Yêu thương một chương trình đào tạo độc thân Khiết tịnh*, dịch giả Nguyễn Hoài Huy, Tôn Giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2021.
19. JOHN P. BRENNAN, *Christ, The One Sent*, The Liturgical, USA, 1997.
20. JOSEPH DORÉ, *Tự điển Thần học Công Giáo*, dịch giả Hoàng Xuân Việt, Tôn Giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2015.
21. KURT STASIAK, *Thần học Bí tích*, dịch giả Nguyễn Quốc Minh Tuấn, Học viện Đa Minh, 2019.
22. LAURENCE DUNLOP, *The happy poor*, Society of Saint Paul, Homebush, 1975.
23. LÊ MINH THÔNG, *Nghe và Thấy trong Tin Mừng Gio-an*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2019.
24. MAI VĂN KÍNH, *Đến gặp Đức Giê-su Ki-tô nơi các Tin Mừng*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2019.
25. MAI VĂN SƠN, *Ngôi Lời trở thành Đấng bị đâm thâu*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2020.
26. NGÔ NGỌC KHANH, *Tin Mừng theo thánh Gio-an*, Học viện Phanxicô, 2020.
27. NGUYỄN ĐÌNH DIỄN, *Từ điển Công giáo Anh – Việt*, Đồng Nai, Đồng Nai, 2014.
28. NGUYỄN HAI TÍNH, *Giáo trình Dẫn Nhập Ki-tô Học*, Tôn Giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2021.
29. NGUYỄN VĂN KHANH, *Cuộc Vượt Qua của Đức Giê-su Ki-tô*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2019.

30. NGUYỄN VĂN KHANH, *Đức Giê-su Ki-tô Ngôi Lời Nhập Thể*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2019.
31. NGUYỄN VĂN TRINH, *Dẫn nhập vào Ki-tô Học*, Tôn Giáo, Hà Nội, 2009.
32. PHẠM HỮU QUANG, *Giới thiệu Ngôn Sứ Thánh Kinh*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2021.
33. PHẠM THANH LIÊM, *Thiên Chúa Một Bản thể Ba Ngôi Vị*, Tôn Giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 2022.
34. PHAN TẤN THÀNH, *Mầu Nhiệm Thiên Chúa*, Học viện Đa Minh, 2020.
35. PHILIPPE BÉGVERIE & CLAUDE DUCHESNEAU, *Để Bí tích nên Nguồn sống*, dịch giả Đinh Huỳnh Hoa, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2018.
36. RUDOLF SCHNACKENBURG, *Das Johannesevangelium – Part II, The Gospel according to St. John – Volume 2*, Translated by Kevin Smyth, The Crossroad Publishing Company, New York, 1982.
37. SANDRA M. SHNEIDERS, *Written That You May Believe*, The Crossroad Publishing Company, New York, 2003.
38. SCOTT R. DAVIS, *Jesus is Light: The meaning of light in the Gospel of John*, Virginia Tech, North Carolina, 2018.
39. STEPHEN S. ILARDI, *Phương pháp điều trị Trầm cảm*, dịch giả Trịnh Dung, Hà Nội, Hà Nội.
40. TÂN YÊN, *Mầu Nhiệm Một Chúa Ba Ngôi khảo luận Thần học*, Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2013.
41. VŨ PHAN LONG, *Các bài Tin Mừng Gio-an dùng trong Phụng vụ*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2021.
42. VŨ PHAN LONG, *Các sách Ngôn Sứ*, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, 2021.

3. Tạp chí

1. CAO GIA AN, *Dấn thân xã hội, chiều kích đặc trưng của ơn gọi ngôn sứ*, trong *Hợp tuyển Thần học: Sứ mạng dấn thân xã hội của Giáo hội*, số 52 (2018).

2. LÊ MINH THÔNG, *Tin vào ai, tin vào điều gì và tin trong Tin Mừng Gio-an*, trong *Thời sự Thần học: năm Đức tin*, số 58 (2012).
3. PHAN TẤN THÀNH, *Lòng thương xót: Kinh Thánh và Thần học*, trong *Thời sự Thần học: Lòng thương xót Chúa*, số 71 (2016).
4. SAVERIO CANNISTRA, *Ôn gọi Ngôn sứ của Đời sống Thánh hiến*, trong *Thời sự Thần học Ngôn sứ*, số 97 (2022).

4. Internet

1. DAVID ADAM, *15 million people have died in the pandemic (11/01/2024)*, WHO says, in <https://www.nature.com/articles/d41586-022-01245-6>.
2. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, tông huấn *Vita consecrata* (25/07/1968), số 91, trong <https://vntaiwan.catholic.org.tw/14news/thanhchien.htm>.
3. ĐỨC GIÁO HOÀNG GIO-AN PHAO-LÔ II, tuyên ngôn *Pesona Humana* (19/10/1975), số 1, trong <https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2011/01/22/tuyen-ngon-persona-humana/>.
4. ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAN-XI-CÔ, thông điệp *Laudato si'* (24/5/2015), số 2-8, trong https://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/Giaohoi/ThongDiep/06Laudato_Si/04BanDich-chaAugustinoNguyenVanTrinh.htm.
5. ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAO-LÔ VI, tông huấn *Evangelii Nuntiandi* (8/12/1975), số 41-42, trong <https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2011/01/30/tong-huan-loan-bao-tin-mung-evangelii-nuntiandi/>.
6. HIỀN MINH, *Lý do mang thai ngoài ý muốn chiếm phần lớn trong ca phá thai* (10/1/2024), trong <https://baochinhphu.vn/ly-do-mang-thai-ngoai-y-muon-chiem-phan-lon-trong-so-ca-pha-thai-102230911152154825.htm>.
7. <https://biblehub.com/>
8. *Jesus Christ The Light of The World*, trong <https://biblestudycourses.org/john-bible-study-courses-section-1/john-9-1-41-exploring-the-passage/>.

9. JOHN BURGER, *The Priest of 9/11* (15/01/2024), in <https://aleteia.org/2021/09/10/the-priests-of-9-11/>.
10. LAN PHƯƠNG, *Nguy cơ xảy ra khủng hoảng lương thực toàn cầu: Nguyên nhân do đâu?* (12/01/2024), trong <https://www.vietnamplus.vn/nguy-co-xay-ra-khung-hoang-luong-thuc-toan-cau-nguyen-nhan-do-dau-post887054.vnp>.
11. QUỲNH TRANG, *Hàng trăm tu sĩ Công giáo tham gia tuyến đầu chống dịch* (11/01/2024), trong <https://plo.vn/hang-tram-tu-si-cong-giao-tham-gia-tuyen-dau-chong-dich-post638567.html>.
12. SANA KHOKHAR, *Jesus is more than a Prophet* (10/9/2014), trong <https://www.allaboutbible.com/jesus-prophet/amp/>.